



GARMEX
Saigon Js
HoSE: GMC

CÔNG TY CỔ PHẦN SX-TM MAY SÀI GÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

SAIGON GARMENT MANUFACTURING JOINT STOCK Co.

Website : www.garmexsaigon-gmc.com



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý nhà đầu tư!

Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đạt 31 tỷ USD, tăng 10,23% so với năm 2016. Tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may ước đạt 18,91 tỷ USD, tăng 11,43% so với năm 2016.

Trong đó, ngành may đạt 24,84 tỷ usd, tăng 9,1% so với năm 2016. Thị trường nhập khẩu hàng dệt may cao nhất là Hoa Kỳ, đạt mức 12,53 tỷ, tăng 9,4% so với năm 2016, chiếm tỷ trọng 48,3% kim ngạch XK toàn ngành. Kế đó là EU và Nhật Bản với kim ngạch XK lần lượt là 3,7 tỷ usd và 3,05 tỷ usd, chiếm tỷ trọng 14,28% và 11,77%. Thị trường mới nổi là Hàn Quốc, đạt mức kim ngạch 2,59 tỷ, tăng 13,2%, chiếm tỷ trọng gần 10%. Đặc biệt, năm 2017, ngành dệt may Việt Nam đã tạo dấu ấn quan trọng trong lịch sử phát triển khi lần đầu tiên xuất khẩu sản phẩm may mặc sang thị trường Trung Quốc và dự kiến năm 2018 sẽ xuất khẩu được nhiều hơn.

Năm 2018, ngành dệt may đặt mục tiêu xuất khẩu là 33,5 tỷ USD. Tập trung đầu tư tái cơ cấu nội bộ ngành, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; chuyển dịch sản xuất theo vùng lãnh thổ; tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp dệt may trong nước, doanh nghiệp trong nước với FDI; vận dụng các FTA để củng cố thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới; đẩy mạnh phương thức FOB, ODM....

Về phía công ty, 2017 là năm gặt hái nhiều kết quả từ cải cách trong sản xuất, xác lập chiến lược sản phẩm trong điều kiện cạnh tranh gay gắt. Từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý, mô hình sản xuất mang tính khác biệt,

Lean 5S, đã thúc đẩy năng suất lao động tăng 4,6% so cùng kỳ, tiệm cận năng suất đỉnh; giảm thiểu tỷ lệ tái chế; tăng tần suất giao hàng đúng hạn. Đây cũng là giải pháp chủ lực trong hiện thực hóa chiến lược sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, củng cố vị thế công ty trong chuỗi sản xuất – cung ứng toàn cầu của các Khách hàng mà kết quả dễ nhận biết nhất là lượng hàng sản phẩm kỹ thuật phức tạp tăng cao trong mùa thấp điểm 2017, đầu quý 1 năm 2018, giải quyết mâu thuẫn vốn có nhiều năm giữa phát triển năng lực sản xuất và thấp điểm của “mùa vụ”, góp phần ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động, giảm thiểu chi phí ẩn, chờ việc.

Năm 2018 sẽ có nhiều cơ hội lẫn thách thức từ các hiệp định thương mại đã và đang ký kết. Đại hội này chúng ta cần xác định hướng đi là: tiếp tục giữ mức tăng trưởng khiêm tốn như những năm qua vì năng suất lao động hiện nay đã tiệm cận cực đỉnh hay đầu tư, mở rộng sản xuất, vượt qua thách thức cạnh tranh lao động để đón đầu cơ hội phát triển, mở rộng thị trường và khách hàng đến từ các FTA và xu hướng chuyển dịch nguồn Cung hàng hóa từ Trung Quốc?

Nếu giữ nguyên năng lực sản xuất hiện hữu, chúng ta có thể vẫn duy trì việc làm, thu nhập cho người lao động nhưng sẽ đối diện với rủi ro tiềm ẩn, giảm dần hiệu quả vì doanh thu, định phí không đổi nhưng biến phí có xu hướng gia tăng, từ tiền lương tối thiểu cho đến nhiên liệu, vật tư theo chiều hướng tăng trưởng của kinh tế thế giới. Nhưng nếu gia tăng đầu tư, mở rộng sản xuất cần phải



có giải pháp tích cực trong cạnh tranh lao động, chuẩn bị nguồn nhân lực quản lý thích hợp.

Với những trải nghiệm trong gần 3 nhiệm kỳ, tôi tin rằng với sự đồng thuận, đồng hành vừa qua, chúng ta sẽ quyết định đúng đắn về đường lối phát triển công ty trong tình hình hiện nay. Và với bộ máy chuyên nghiệp, cùng hệ thống quản lý hoàn thiện, sự tinh táo, bản lĩnh của đội ngũ lãnh đạo, GMC sẽ tiếp tục gặt hái thành quả như những nhiệm kỳ qua, thỏa mãn sự kỳ vọng của nhà đầu tư.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Quang Hùng

THÔNG TIN CHUNG

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các nhân tố rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh tế, ngành dệt may trong năm 2017
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 13 ngày ngày 19 tháng 12 năm 2016.

Vốn điều lệ: 155.556.200.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 155.556.200.000 đồng

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 3984 4822

Số fax: (028) 3984 4746

Website: www.garmexsaigon-gmc.com

Mã cổ phiếu: GMC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

1976
-
2004

Được thành lập vào năm 1976 - một năm sau ngày đất nước thống nhất, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Saigon (Garmex Saigon js) khởi đầu là một doanh nghiệp quốc doanh. Lúc đầu Công ty được gọi là Liên hiệp Các Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị chủ quản quản lý một số lượng khá lớn các xí nghiệp may xuất khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 213 Hồng Bàng, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2004

Vào năm 2004, Garmex Saigon tiến hành cổ phần hóa. Cho đến thời điểm này, Garmex Saigon đang hoạt động với 3 Xí nghiệp trực thuộc gồm Xí nghiệp May An Nhơn, Xí nghiệp May An Phú, Xí nghiệp May Bình Tiên. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2006

Năm 2006, Garmex Saigon niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã số chứng khoán là GMC. Trụ sở chính của Công ty vẫn đặt tại 236/7 (nay đổi lại là 252) Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2012

Vào năm 2012, Garmex Saigon được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi trội về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2013

Vào năm 2013, Garmex Saigon vinh dự nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3 do những thành tích đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống của Người Lao Động. Trong năm, Garmex Saigon cũng vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất.

2014

Cũng vào năm 2014, Garmex Saigon lại được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi trội về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Hà Nội. Garmex Saigon tiếp tục vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất.

TÌNH HÌNH HIỆN TẠI

Tiếp sau giai đoạn niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Garmex Saigon đã có những bước phát triển đáng kể - tái cơ cấu lại tổ chức, và thành lập Công ty May Tân Mỹ tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Sau đó, tiếp tục chuẩn bị cho cơ hội kinh doanh từ các hiệp định thương mại giữa Việt Nam với các nước trong và ngoài khu vực, Garmex Saigon thành lập Công ty TNHH May Saigon Xanh vào năm 2012, với hai đơn vị trực thuộc - Blue Saigon LLC đặt trụ sở tại Los Angeles, California (Mỹ) và Xí nghiệp May Hà Lam hoạt động tại Quảng

Nam. Blue Saigon LLC (Mỹ) đang nỗ lực tìm kiếm các đơn hàng từ Mỹ để sản xuất tại Xí nghiệp May Hà Lam và các đơn vị trong hệ thống của Garmex Saigon, thực hiện chiến lược bán hàng trực tiếp cho khách hàng Mỹ theo phương thức ODM (thiết kế thành phẩm để bán cho khách hàng)

Như vậy cho đến nay, Garmex Saigon đang quản lý Xí nghiệp An Phú (TP Hồ Chí Minh), Xí nghiệp An Nhơn (TP Hồ Chí Minh), Công ty May Tân Mỹ (Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu), Xí nghiệp May Hà Lam (Tỉnh Quảng Nam), và Công ty Blue Saigon LLC (California, Mỹ). Tổng số lao động hiện nay của toàn hệ thống Garmex Saigon lên đến hơn 4.000 người.

NHỮNG THÀNH TÍCH HOẠT ĐỘNG, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2017

Giải thưởng/Thành tích

Một trong **8** đơn vị trên toàn cầu được Columbia chọn làm chương trình CMAT

Một trong **hai** đơn vị cung cấp hàng cho Columbia trên toàn cầu được chọn làm thí điểm chương trình phát triển mẫu, trực tiếp làm việc với Văn phòng Columbia Mỹ mà không cần thông qua văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu chính của Garmex Saigon là Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản với những khách hàng lớn như Decathlon (Pháp), Craft (Thụy Điển), Columbia (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Teijin Frontier (Nhật Bản), v.v...

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- May trang phục, trừ trang phục từ da và lông thú, sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại.
- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hoa Kỳ

Châu Âu

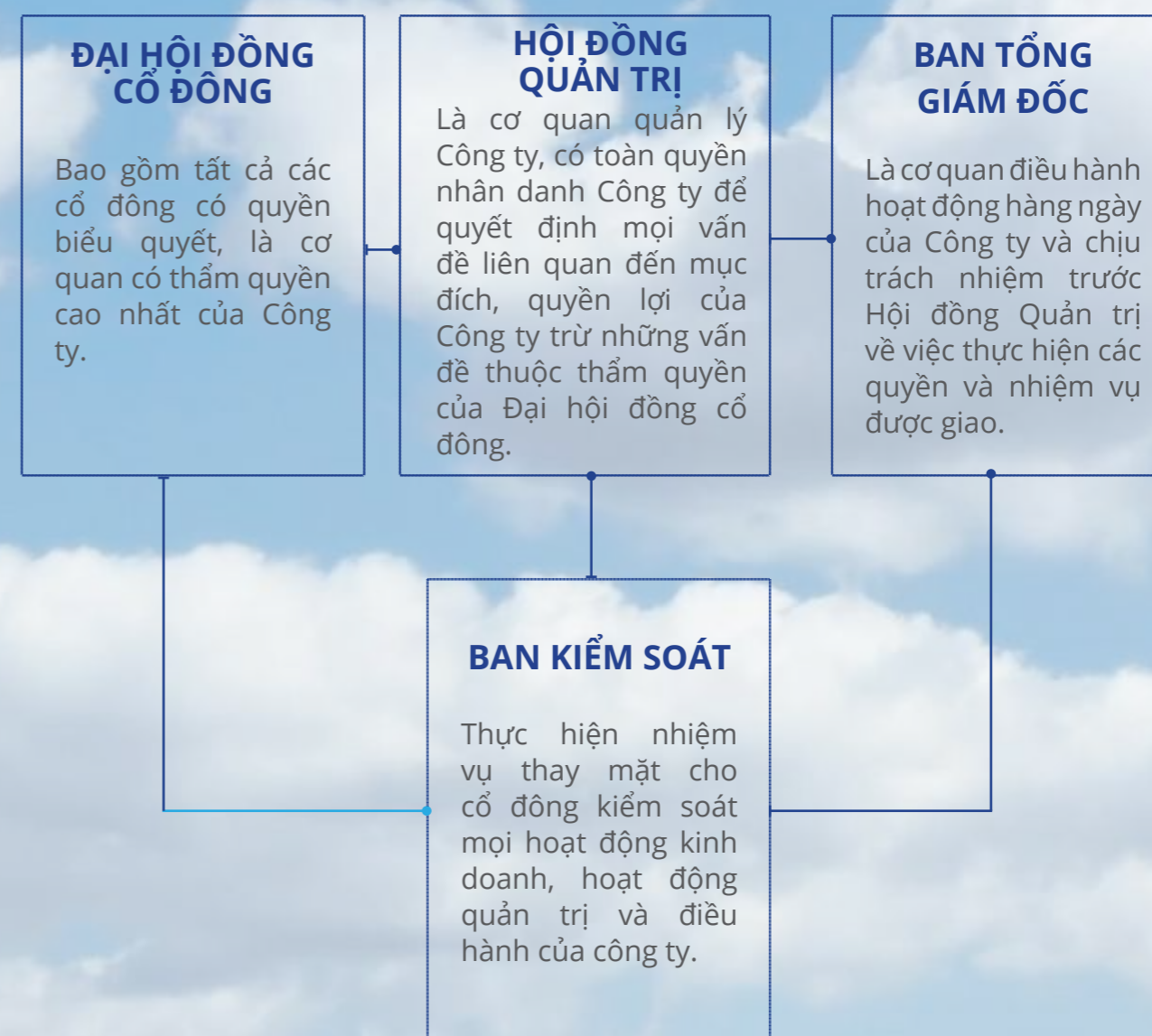
Nhật Bản

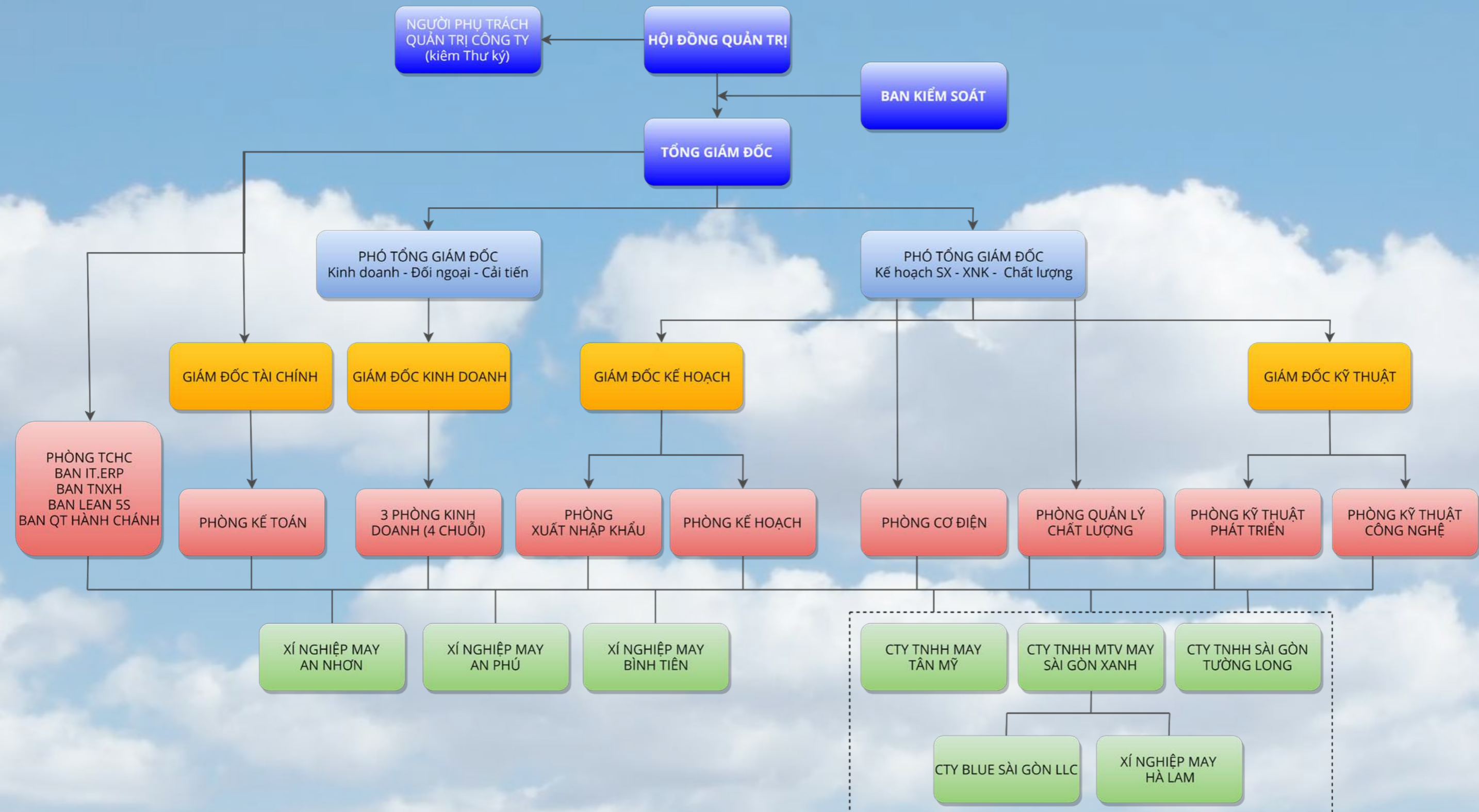
Sản phẩm của Công ty chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu. Một số khách hàng lớn của Công ty bao gồm: Columbia Sportswear (Mỹ), Decathlon (Pháp).

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, phù hợp qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:





CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT, CHI NHÁNH



XÍ NGHIỆP MAY AN PHƯƠNG

Diện tích: 14.000m²
Năng lực: 15 chuyền
Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản
Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Gramicci (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Teijin Frontier (Nhật Bản)
Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh



XÍ NGHIỆP MAY AN PHÚ

Diện tích: 14.000m²
Năng lực: 20 chuyền
Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu
Khách hàng chủ yếu: Decathlon (Pháp), Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Gramicci (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Sealand (Đan Mạch)
Địa chỉ: 14/5 Quốc lộ 22, Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh



Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ MỸ

Địa chỉ: Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu
Vốn điều lệ thực góp: 4.341.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp của GMC: 32,47%
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng. Cung cấp các dịch vụ liên quan trong đầu tư và vận hành khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Công ty con

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY TÂN MỸ

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Hoạt động kinh doanh chính:

- Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh các loại hàng dệt kim và dệt thoi.
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc.
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Orvis (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ) Decathlon (Pháp), New Wave (Thụy Điển), Kathmandu (Úc)

Quy mô:

Diện tích: 50.000 m²

Năng lực sản xuất: 17 chuyền (công suất tối đa 36 chuyền)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY SÀI GÒN XANH

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ thực góp: 86.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: May trang phục, sản xuất vải dệt thoi, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.





XÍ NGHIỆP MAY HÀ LAM

Diện tích: 27.000m²

Năng lực: 10 chuyền (công suất tối đa 30 chuyền)

Thị trường chủ yếu: Mỹ Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Perry Ellis (Mỹ),

Địa chỉ: Lô B/B2, Cụm Công Nghiệp Hà Lam Chợ Đước, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam

CÔNG TY KINH DOANH HÀNG DỆT MAY TẠI HOA KỲ (BLUE SAIGON LLC)

Công ty con 100% vốn

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN - TƯỜNG LONG

Địa chỉ: Số 05 Đại Lộ Thống Nhất – Khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn của GMC: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: May mặc



Non - Seam Sealed Jackets



Fleece Jackets



Micro Fleece Jackets



Seam Sealed Jackets



Seam Sealed Jackets



Seam Sealed Jackets



Golf Skirt



Golf Jacket



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Với tham vọng đưa GMC trở thành công ty dẫn đầu về sản phẩm dệt may thời trang đến năm 2020, Công ty xác định định hướng hoạt động như sau:

- Tập trung chủ yếu vào thị trường xuất khẩu, do tình hình và khả năng cạnh tranh của thị trường nội địa có nhiều khó khăn và rào cản;
- Tìm kiếm khai thác các thị trường mới nhiều tiềm năng như Nga, Úc, các nước trong EU ngoài Pháp;
- Hoàn thiện hệ thống quản lý, mô hình sản xuất Lean 5S với sự trợ giúp của ERP bên cạnh việc đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động;
- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh theo hướng công nghệ cao, hướng đến các sản phẩm chất lượng có mẫu mã phức tạp để tăng tính cạnh tranh, giá trị gia tăng;
- Nâng cao tỷ lệ may xuất khẩu theo phương thức ODM, OBM.
- Đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ kinh doanh, kỹ thuật, quản lý để phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty.
- Triển khai cung cấp các sản phẩm dịch vụ về tư vấn các quy trình nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận ngoài hướng sản xuất kinh doanh chính là gia công và mua bán;
- Quan tâm hơn về quản trị rủi ro ảnh hưởng lớn đến hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh như rủi ro tỷ giá, lãi suất, thị trường, khách hàng,...

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đến 2018

- Lợi nhuận trước thuế 70,6 tỷ đồng vào năm 2018;
- Thu nhập bình quân người lao động: 10 triệu đồng/người/tháng.
- Cổ tức duy trì mức 20% đến 30%/ Vốn điều lệ/ năm.

Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh

- **Về năng lực sản xuất:** nâng cao năng lực sản xuất dựa trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực Công ty với quan điểm: “Đầu tư chiều sâu, giảm thâm dụng lao động”, chuyển đổi chiến lược sản phẩm phù hợp với điều kiện và kỹ năng từng vùng. Nghiên cứu mở rộng sản xuất đón đầu cơ hội trên cơ sở chuẩn bị tốt nguồn nhân lực quản lý, xác lập vị trí sản xuất có lợi thế cạnh tranh về lao động.
- **Về chất lượng:** Sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, phức tạp để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh chủ trương “đa phương hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm” để giảm thiểu rủi ro “mùa vụ” khi tăng năng lực sản xuất, đồng thời gia tăng biên lợi nhuận gộp và nâng cao lợi thế cạnh tranh.

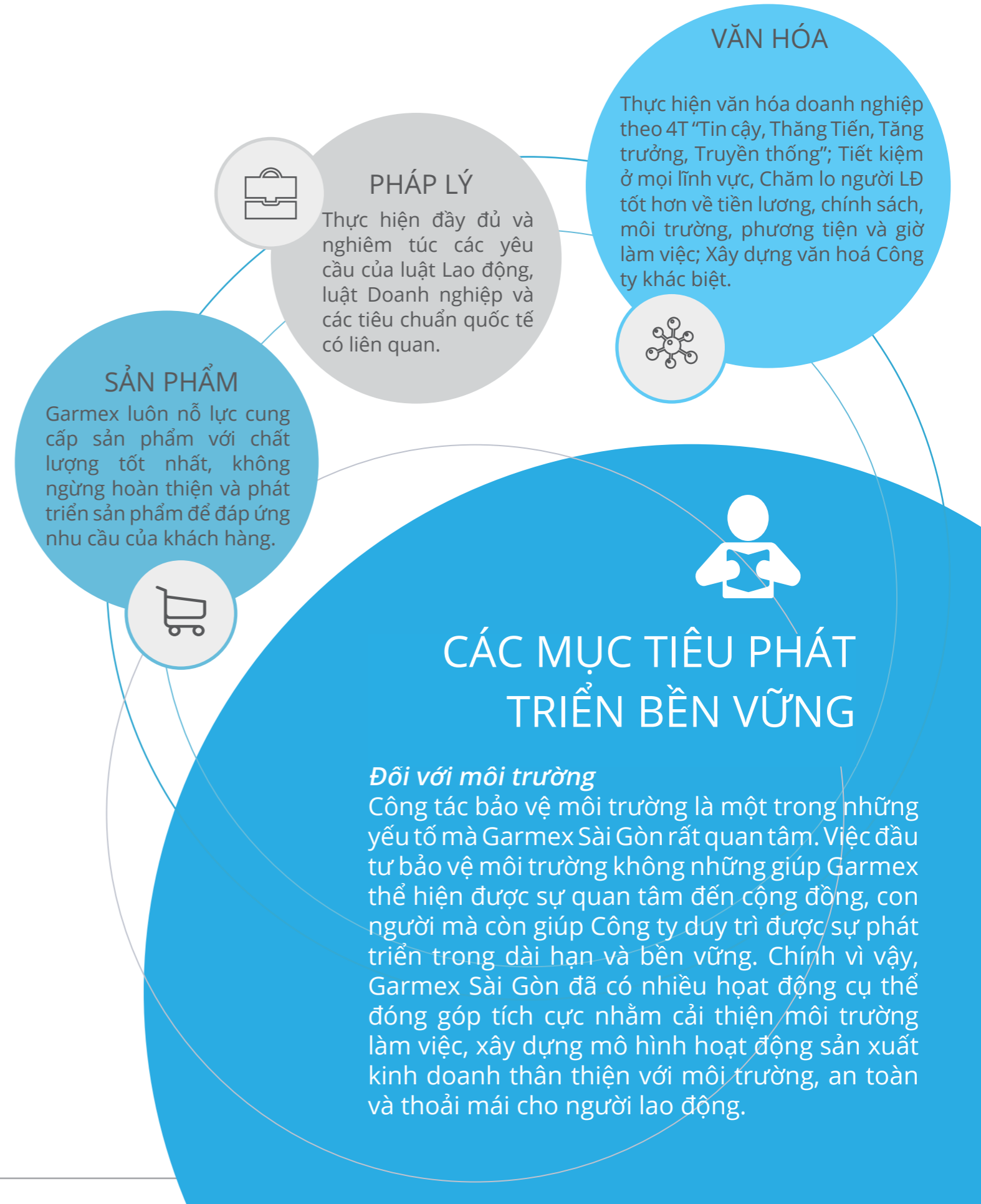
Dịch vụ thương mại

- Phát triển năng lực gián tiếp (nhà thầu phụ). Xây dựng và phát triển hệ thống khách hàng ở Mỹ, châu Âu, Nga, AEC từ lợi thế FTA.
- Phát triển chuỗi “thiết kế - sản xuất - phân phối”, tạo tiền đề phát triển phương thức OBM, phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu FOB trên cơ sở lợi thế, kinh nghiệm Công ty.



Đối với xã hội, cộng đồng:

Với mục tiêu không ngừng khẳng định thương hiệu đối với Khách hàng và Đối tác, cũng như vị thế doanh nghiệp trong ngành dệt may, Garmex Sài Gòn luôn quan tâm đến hoạt động xã hội và cộng đồng, chia sẻ trách nhiệm trong chăm lo cơ sở vật chất cho địa phương nơi cơ sở Công ty trú đóng bằng tài trợ các hoạt động do chính quyền địa phương tổ chức.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Trái ngược với tình hình ảm đạm của những năm khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu năm 2017 hồi phục mạnh mẽ, triển vọng kinh tế toàn cầu tương đối tươi sáng và đồng đều giữa các nền kinh tế phát triển và mới nổi, các hoạt động kinh tế đều được ghi nhận khả quan hơn so với dự báo ban đầu. Không chỉ Mỹ, Trung Quốc, mà châu Âu, Nhật Bản, những nền kinh tế vốn được xem có tốc độ tăng trưởng thấp trong nhiều năm qua, cũng đã bứt phá và trở thành động lực thúc đẩy kinh tế toàn cầu khởi sắc. Tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng lớn đến ngành hàng tiêu dùng bởi nhu cầu mặt hàng may mặc phụ thuộc khá lớn vào thu nhập của người tiêu dùng. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế thế giới dự báo tăng cao hơn năm 2017 nhưng không nhiều. Theo PwC, kinh tế toàn cầu đang trên đà tăng trưởng nhanh nhất kể từ năm 2011 đến nay. Nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng gần 4% trong năm 2018 tính theo sức mua tương đương (PPP) và tổng sản phẩm toàn cầu sẽ tăng thêm 5 nghìn tỷ USD tính theo giá hiện hành. Tăng trưởng thương mại toàn cầu được dự báo ở mức 4%, thấp hơn 0,2 điểm % so với cùng kỳ 2017. Dự báo giá hàng hóa 2018 chỉ biến động nhẹ so với cùng kỳ, trong đó giá năng lượng tăng khoảng 4%, giá dầu thô dự báo tăng 6% lên 56 USD/thùng. Giá hàng hóa phi năng lượng dự báo tăng 0,6% và giá nguyên liệu thô tăng 1,6% so với năm 2017.

Bên cạnh những tín hiệu đầy khả quan của năm 2018, vẫn còn đó những sự thiếu ổn định xuất phát từ yếu tố chính trị, đe dọa đến sự phát triển kinh tế toàn cầu. Tại Hoa Kỳ, FED có chủ tịch mới; Mỹ có thể thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt, gia tăng chính sách bảo hộ, gây sức ép kinh tế với các nước và khu vực qua sắc lệnh nâng thuế đối với ngành hàng Nhôm, thép hay tăng thuế nhập khẩu với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, dẫn đến rủi ro tiềm ẩn đối đầu thương mại. Nếu điều này xảy ra kinh tế toàn cầu sẽ bị tác động mạnh. Tại các nước phương Đông, những đầu tàu mới của nền kinh tế thế giới đang phải đối mặt với tình trạng dân số suy giảm, nguy cơ dân số già; bẫy thu nhập trung bình...

Như vậy, có rất nhiều lý do để thận trọng trong những năm tới nhưng với số liệu từ đầu năm cho thấy nền kinh tế toàn cầu sẽ khả quan trong ít nhất năm 2018 này.

LÃI SUẤT

Năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay ổn định. Áp lực tăng lãi suất huy động và cho vay chủ yếu xuất hiện vào đầu năm. Ngân hàng nhà nước điều tiết hoạt động lưu chuyển tiền tốt, có thể thấy các mức điều chỉnh lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng trong giai đoạn này không quá lớn, mức điều chỉnh nhỏ chỉ quanh 10 điểm cơ bản và không tạo ra các đợt chạy đua lãi suất.

Ngân hàng Nhà nước có định hướng và chính sách xuyên suốt nhằm đảm bảo mục tiêu mặt bằng lãi suất ổn định ngay khi lãi suất huy động chịu áp lực tăng. Cụ thể với quyết định hạ lãi suất điều hành vào tháng 7.2017 và đưa ra Thông tư 06 giãn tiến độ thực hiện Thông tư 36 giúp áp lực huy động vốn của các ngân hàng hạ nhiệt đáng kể.

Ước tính lãi suất của nửa đầu năm 2018 sẽ đi ngang hoặc tăng nhẹ, nửa cuối năm có khả năng tăng nhẹ trước sự tăng trưởng trở lại của kinh tế Hoa Kỳ, mặt khác việc tín dụng tiếp tục tăng trưởng trong năm 2018 có thể gây áp lực tăng lãi suất lên hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.

Rủi ro biến động lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu đến từ các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt bằng lãi suất trong thời gian gần đây luôn được kiểm soát, tỷ trọng nợ vay của GMC dao động trong khoảng 60-70% tổng tài sản và đang có xu hướng tăng dần. Tuy nhiên, trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhằm giảm thiểu các rủi ro này, công ty luôn theo dõi chặt chẽ tình hình để có chính sách hợp lý, có lợi cho các mục tiêu vay vốn hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được đẩy mạnh nhằm tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối sản xuất và tiêu thụ nhằm giảm thiểu tối đa áp lực đối với vốn lưu động.

TỶ GIÁ

Năm 2017 đã có tỷ giá khá ổn định. Tính đến tháng 12-2017, tỷ giá trung tâm ước tăng khoảng 1,5-1,7% so với đầu năm. Trong khi đó, tỷ giá tại ngân hàng thương mại giảm khoảng 0,2% so với đầu năm. Có nhiều nguyên nhân giúp tỷ giá ổn định, như là: Đồng USD mất giá trên thị trường quốc tế (chỉ số USD Index giảm 9,1% so với đầu năm) dù Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất nhiều lần do tác động của chính sách chống thâm hụt thương mại; chênh lệch giữa lãi suất VND và USD vẫn còn ở mức lớn (khoảng 6-7%), nghiêng về việc nắm giữ VND. Huy động ngoại tệ tăng thấp, ước tăng 4% so với cuối năm 2016, trong khi Ngân hàng Nhà nước mua được khoảng 7 tỷ USD từ hệ thống ngân hàng, do vậy, có thể một lượng lớn ngoại tệ đã được tổ chức kinh tế và cá nhân bán và chuyển sang VND.

Về diễn biến tỷ giá trong năm 2018, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia dự báo, tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định bởi có nhiều yếu tố hỗ trợ tỷ giá, như: Cán cân thương mại có khả năng tiếp tục thặng dư do kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu tại các nước mới nổi và đang phát triển tiếp tục xu thế tăng so với năm trước; dòng vốn nước ngoài vẫn có xu hướng tích cực (trong bối cảnh lãi suất thấp tại các nền kinh tế phát triển, dòng vốn đang có xu hướng chảy vào các khu vực kinh tế mới nổi và đang phát triển để tìm kiếm lợi nhuận cao hơn).

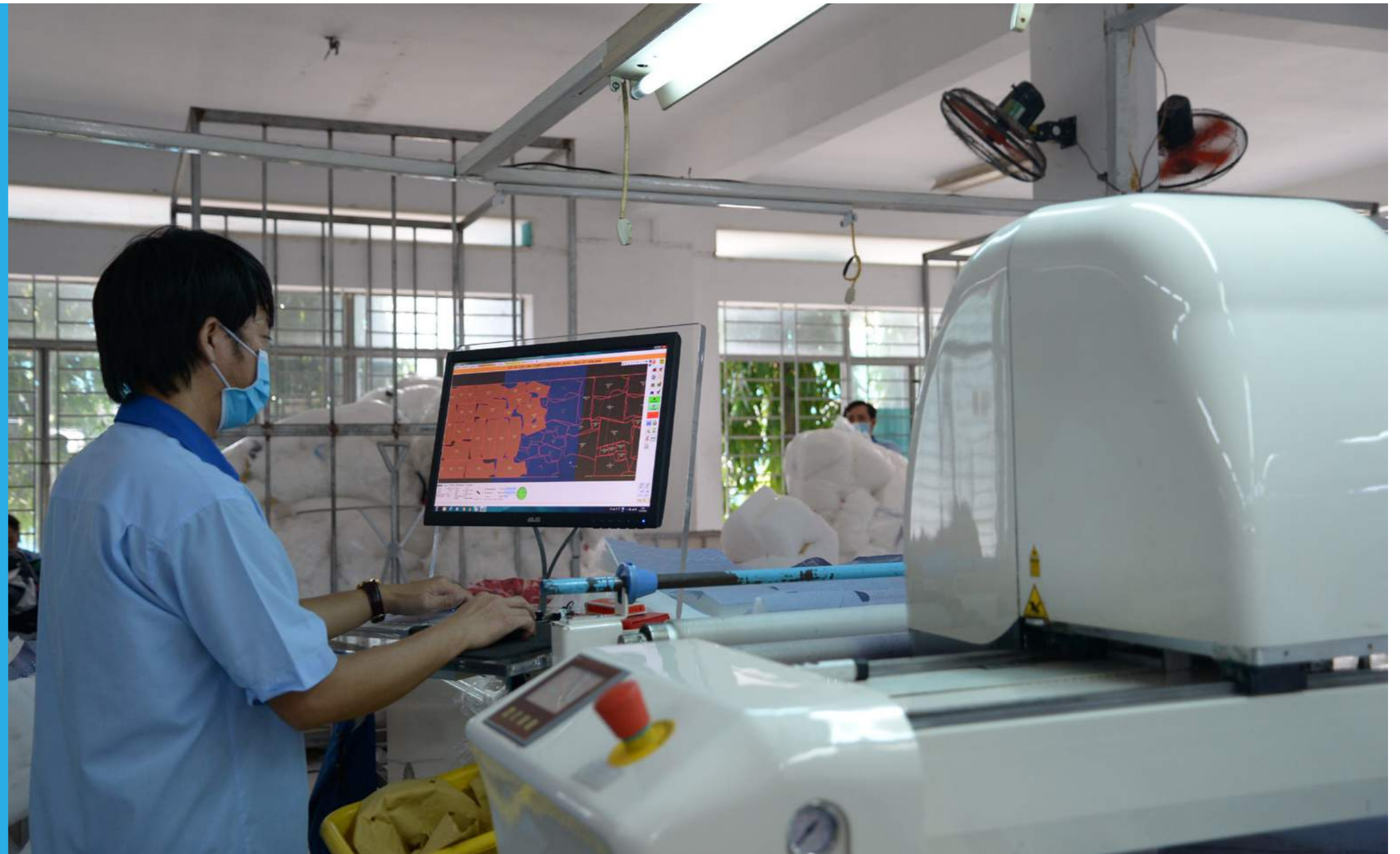
Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ như USD và EUR, do đó sẽ chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty tiến hành xem xét thị trường hiện hành và lập kế hoạch dự kiến cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ, theo dõi sát những biến động của tỷ giá để thực hiện các giao dịch một cách kỹ lưỡng nhằm hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra.

LẠM PHÁT

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) theo năm tính đến thời điểm cuối tháng 12/2017 có mức tăng 2,6% và CPI bình quân cả năm 2017 tăng 3,53%. Về cơ bản, CPI bình quân năm 2017 chịu tác động lớn bởi lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC. Riêng việc điều chỉnh giá nhóm hàng này đã khiến CPI bình quân năm 2017 tăng 2,04%. Lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo hai bước của Thông tư 37 đã gần như hoàn tất, do vậy, chỉ số CPI chung năm 2018 sẽ không chịu nhiều ảnh hưởng từ nhóm hàng y tế như năm 2016 và 2017.

Giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016-2020 nên được dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể tương đương năm 2017, khoảng 2-2,5 điểm %. Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia dự báo: nếu không có yếu tố đột biến, lạm phát năm 2018 dự báo duy trì ở mức tương đương với mức tăng của năm 2017 (dưới 4%). Tuy nhiên, lạm phát năm 2018 có thể tăng cao hơn nếu giá điện tăng mạnh. Ước tính nếu giá điện tăng 8-10% sẽ góp phần làm lạm phát tăng 0,1-0,15 điểm.

Yếu tố lạm phát có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, làm giảm giá trị các khoản phải thu trong tương lai, và đời sống của người lao động. Bên cạnh việc lạm phát tương đối ổn định ở những năm gần đây, Công ty vẫn thường xuyên giám sát các biến động của lạm phát để có phương án xử lý phù hợp.



RỦI RO LUẬT PHÁP

Hệ thống pháp luật chung tại Việt Nam

Là một Công ty Cổ phần hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm may mặc và niêm yết trên sàn chứng khoán, Garmex Saigon chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động...

Kinh tế Việt Nam tiếp tục được củng cố, phát triển và đạt những thành quả khá ấn tượng khi hoàn thành vượt mức 13/13 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tăng trưởng GDP đã lên mức 6,81% so với bình quân 5,2% của khu vực Đông nam Á. Đây là kết quả sự chỉ đạo quyết liệt của một chính phủ kiến tạo; môi trường kinh doanh được cải thiện đã mang lại niềm tin cho Doanh nghiệp trong và ngoài nước khi vốn đầu tư FDI đạt gần 36 tỷ đô la Mỹ, cao nhất trong 10 năm qua; thành lập mới gần 130.000 doanh nghiệp và lần đầu tiên kim ngạch xuất khẩu chạm ngưỡng 400 tỷ usd.

Hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng phù hợp yêu cầu hội nhập.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Garmex Saigon chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2017 là một năm thành công của kinh tế Việt Nam khi GDP cả năm đạt 6,81% - , hoàn thành 13/13 mục tiêu quốc hội đề ra. Bên cạnh đó CPI bình quân cả năm tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, đây là năm thứ 4 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức dưới 5% cho thấy tính ổn định của nền kinh tế vĩ mô được thiết lập rõ rệt.

Kinh tế các thị trường chính của Garmex Saigon phát triển tốt. Kinh tế Mỹ dưới thời của Tổng thống Donald Trump đã có bước chuyển ngoặt mục khi đạt tăng trưởng 2,2%, giảm tỷ lệ thất nghiệp nhưng chính sách bảo hộ thể hiện ngày càng rõ nét.

Khu vực đồng Eurozone đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính cách đây gần một thập kỷ để tăng trưởng 2,1% bất chấp những tác động của việc Anh rời khỏi EU.

Tuy nhiên, ngành may mặc Việt Nam phải đối mặt với

không ít thách thức trong năm 2017. Xu hướng chuyển dịch nguồn Cung sang các quốc gia có chi phí lao động giá rẻ ngày càng rõ nét. Sản xuất hàng dệt may ở Trung Quốc đang đặt đở khi tiền lương công nhân trên 1.000 usd/tháng bên cạnh chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang tiêu dùng và công nghệ có giá trị gia tăng cao, hạn chế phát triển ngành dệt may do thâm dụng lao động và ô nhiễm môi trường của chính phủ đã khiến cho nhà phân phối phải điều chỉnh nguồn cung sang các nước như Bangladesh, Mianma, Cambodia hay Việt Nam.

Bên cạnh đó, xu hướng cá nhân hóa của giới trẻ đe dọa hoạt động sản xuất hàng loạt của ngành may mặc và trở thành yêu cầu mới của ngành. Sự trỗi dậy của thương mại điện tử, bán hàng online đã thúc đẩy các công ty đa quốc gia phải thay đổi sâu sắc từ thiết kế, cách xây dựng kế hoạch, đặt hàng và nhất là tiết giảm giá thành để bù đắp chi phí cố định của phương thức truyền thống. Các ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam chưa phát triển, khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu kém, tạo ra sự phát triển mất cân đối và dễ bị tổn thương khi có những biến động quốc tế.

Với sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và người lao động, kết quả hoạt động của Công ty như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	YoY
1	Doanh thu thuần	1.611.379	1.605.048	(0,39)%
2	Giá vốn hàng bán	1.336.254	1.344.066	0,58%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	9.722	5.630	(42,09)%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	213.887	197.034	(7,88)%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	70.960	69.578	(1,95)%
6	Lợi nhuận khác	4.736	12.827	170,84%
7	Lợi nhuận trước thuế	75.696	82.405	8,86%
8	Lợi nhuận sau thuế	60.986	64.780	6,22%
9	Lợi nhuận trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	5.146	4.237	(17,66)%



Trước sự cạnh tranh ngày càng cao của thị trường, việc duy trì doanh thu thuần ở mức tương đương năm trước là cả một sự cố gắng của tập thể cán bộ Công ty. Tuy đối mặt với việc giảm doanh thu, giảm lợi nhuận từ hoạt động tài chính, tăng chi phí giá vốn nhưng với việc siết chặt công tác quản lý, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ giảm khoản 2 tỷ đồng so với cùng kỳ. Tại năm 2017, Công ty ghi nhận doanh thu bất thường từ việc thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản tại số 332 Lũy Bán Bích, đưa lợi nhuận sau thuế tăng 6,22 %, lợi nhuận trên mỗi cổ phần đạt 4.237 đồng.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra từ đầu năm như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	KH 2017	TH 2017	TH so với KH	2017 so với 2016
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.502.065	1.611.379	1.700.000	1.605.048	94,41	99,61%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	82.158	75.696	68.000	82.405	121,18	108,86%
3	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/DTT	%	5,47%	4,70%	4,00%	5,13%	128,35	109,29%
4	Cổ tức/ VDL	%	30%	30%	20% - 30%	30%	ĐẠT!	100,00%

Doanh thu thuần năm 2017 chỉ đạt 94,41% so với kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, nguyên nhân do ở một số đơn hàng lớn, Công ty phải giảm khoảng 2% để có được đơn hàng, việc này đã khiến doanh thu thuần của Công ty không được như kỳ vọng. Dù vậy, lợi nhuận trước thuế của Công ty vẫn đạt kế hoạch, vượt 21,18% so với kế hoạch đề ra, nếu loại ra lợi nhuận bất thường khoảng 12 tỷ, lợi nhuận trước thuế của Công ty vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 năm tài chính 2016.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Ân	TGD	384.530	2,47%
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó TGD	179.290	1,15%
3	Bà Lê Thị Phương Thảo	Phó TGD	3.950	0,03%
4	Bà Nguyễn Minh Hằng	Giám đốc tài chính	16.070	0,1%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2017, Công ty không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Tính đến 31/12/2017, tổng số lao động của Công ty là 4.244 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	172	4,05%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	200	4,71%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	20	0,47%
4	Lao động phổ thông	3.852	90,76%
II Theo hợp đồng lao động			
1	Toàn thời gian	4.244	100,00%
2	Bán thời gian	0	0,00%
III Theo giới tính			
1	Nam	1.097	25,85%
2	Nữ	3.147	74,15%
Tổng cộng		4.244	100%

Quan điểm luôn xem xét “lao động là vốn quý”, là nguồn lực đảm bảo sự phát triển lâu dài của Công ty. Để thực hiện quan điểm này, Ban điều hành Công ty quan tâm xây dựng các phương án, biện pháp ổn định đơn hàng, việc làm, nâng cao năng suất lao động để tăng thu nhập cho người lao động. Thời gian làm việc được điều chỉnh linh hoạt kết hợp với chính sách tiền lương hợp lý.

Ban điều hành Công ty đã thực hiện những công việc sau:

- Xây dựng bộ tiêu chuẩn của từng vị trí, xác định giá trị của mỗi vị trí công việc để trả lương theo đúng giá trị công việc;
- Xây dựng tiêu chuẩn năng lực cho từng vị trí, xác định năng lực tiêu chuẩn để đánh giá năng lực thực tế của mỗi nhân viên, lao động;
- Xây dựng mục tiêu trọng yếu (KPI) cho từng chức năng và vị trí, đánh giá hiệu quả thực hiện KPI nhằm thực hiện công tác lương thưởng, bổ nhiệm được công bằng, hiệu quả.

SƠ YẾU LÝ LỊCH



ÔNG LÊ QUANG HÙNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1957

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán

Số cổ phần nắm giữ: 443.620 cổ phần, chiếm 2,85% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Năm 1973 – 1990: Cán bộ Đoàn Thanh niên chuyên trách thuộc Đoàn ủy Học sinh Khu Sài Gòn – Gia Định, sau là Thành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Năm 1990 – 1995: Giám đốc Xí nghiệp Len Sài Gòn.

Năm 1995 – 2003: Giám đốc Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu May Sài Gòn.

Năm 2004 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn



BÀ PHAN THỊ PHƯƠNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Tài Chính

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán

Số cổ phần nắm giữ: 3.940 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu Công ty Dệt may Gia Định: 1.564.385 cổ phần, chiếm 10,06% vốn điều lệ

Quá trình công tác

07/1991 – 08/1992: Nhân viên kinh doanh Xí nghiệp Thủy tinh thuộc Bộ Công Nghiệp.

08/1992 – 08/1998: Nhân viên kế toán Công ty Dệt May Gia Định.

08/1998 – 05/1999: Phó phòng Kế toán – Công ty Dệt May Gia Định.

05/1999 – 11/2001: Phó phòng Kinh doanh – Công ty Dệt May Gia Định.

11/2001 – 12/2004: Phó phòng Kế toán – Công ty Dệt May Gia Định.

12/04 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Dệt May Gia Định.



ÔNG LÂM TỬ THANH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1958

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị kinh Doanh

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán

Số lượng cổ phần cá nhân nắm giữ: 817.910 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu Công ty TNHH Tân Á: 436.810 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu Công ty TNHH Thương mại Á Châu: 436.810 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Năm 1992 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Á Châu.

Năm 1995 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Tân Á.

05/2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn.



ÔNG LÂM QUANG THÁI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học tự nhiên

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.826.996 cổ phần, chiếm 15,63% vốn điều lệ

Quá trình công tác

Trước năm 2001: Chủ doanh nghiệp SX may mặc B&O.

Nay: Chủ tịch các Công ty: Công Ty TNHH MTV Blue Exchange, Công ty TNHH B&O, Công ty TNHH Con Đường Xanh, Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam, Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa, Công Ty TNHH May Mặc Trà Tân, Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh



ÔNG NGUYỄN ÂN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1953

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 384.530 cổ phần, chiếm 2,47% vốn điều lệ

Sở hữu ở Công ty khác: Không

Quá trình công tác

Từ 8/1972 – 3/1975: Hoạt động phong trào đô thị thuộc Đoàn ủy Khu Sài Gòn – Gia Định

Từ 3/1975 – 4/1975: Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh – thuộc Chi đoàn B3 K42 liên Quận 4, Khu Sài Gòn – Gia Định

Từ 5/1975 – 2/1976: Bí thư Đoàn Phường 5, Quận Bình Hòa và Bí thư phường Đoàn Phường 11, Quận Bình Thạnh

Từ 3/1976 – 10/1978: Học viên trường cán bộ Trung ương Đoàn, Hà Nội

Từ 11/1978 – 4/1981: Phó Bí thư Quận đoàn Quận 8 kiêm Bí thư chi bộ Quận đoàn 8

Từ 5/1981 – 1/1986: Phó Ban khu phố Tiểu thủ Công nghiệp Thành đoàn, Phó ban thanh niên Công nhân Thành đoàn, Bí thư Chi Bộ - Đảng ủy viên Đảng ủy cơ quan Thành đoàn Tp.HCM.

Từ 1/1987 – 4/1993: Phó phòng Kế hoạch – Vật tư, Trưởng phòng XNK Liên hiệp May Thành phố

Từ 5/1993 – 11/1995: Giám đốc Xí nghiệp May Liên doanh An Nhơn - Đảng ủy viên Đảng bộ công ty.

Từ 12/1995 – 5/1997: Phó Giám đốc Xí nghiệp May Garmex 2

Từ 6/1997 – 12/1997: Quyền Giám đốc Garmex 2

Từ 1/1998 – 8/1999: Giám đốc Xí nghiệp Garmex 2

Từ 9/1999 – 12/2003: Phó Giám đốc Công ty Sản xuất – XNK May Sài Gòn kiêm Giám đốc Xí nghiệp Garmex 2 - Đảng ủy viên, Bí thư Chi Bộ XN.

Từ 1/2004 – 2/2007: Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn kiêm Giám đốc Xí nghiệp May An Nhơn

Từ 3/2007 – 3/2015: Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn

Từ 3/2015 - đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn



BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Ngành Quản trị

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 179.290 cổ phần, chiếm 1,15% vốn điều lệ

Sở hữu ở Công ty khác: Không

Quá trình công tác

Từ 1/1987 – 7/1987: Công nhân may Xí nghiệp May Sài Gòn 1

Từ 8/1987 – 3/1993: Bí thư Đoàn TN chuyên trách XN May Sài Gòn 1 kiêm Phó Bí thư Đoàn TN Công ty SX – XNK May Sài Gòn

Từ 4/1993 – 4/2000: Bí thư Đoàn TN kiêm Phó Quản đốc Xí nghiệp May Garmex 1

Từ 5/2000 – 3/2002: Phó Phòng TCHC Xí nghiệp May Garmex 1

Từ 3/2002 – 12/2003: Trưởng Phòng TCHC Xí nghiệp Garmex 1

Từ 1/2004 – 4/2009: Trưởng Phòng TCHC Xí nghiệp May An Nhơn.

Từ 5/2009 – 5/2010 Ủy viên thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công Đoàn Công Ty, Thành Viên HĐQT, Phó Tổng Giám Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Từ 6/2010 – nay Bí Thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn



BÀ LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ + Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh + Thạc sỹ Quản lý Cao cấp

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán

Cá nhân sở hữu: 3.950 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Quá trình công tác

12/1999 - 2/2002 : Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty TNHH SX – TM Liên Cơ

2/2002 - 3/2012 : Trưởng Phòng Văn phòng Đại diện ATG Sourcing LTD tại Việt Nam

7/2009 – đến nay : Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ái Huê

3/2012 – 8/2016 : Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn

8/2016 – đến nay : Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Kinh doanh Công ty Cổ phần SX – TM May Sài Gòn



BÀ NGUYỄN MINH HẰNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Thông tin cá nhân

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 16.070 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ

Sở hữu ở Công ty khác: Không

Quá trình công tác

Từ 01/1999 – 01/2004 Nhân viên Kế toán Công ty SX – XNK May Sài Gòn

Từ 01/2004 – 12/2006 Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn

Từ 01/2007 – 02/2008 Phó phòng Kế toán thống kê Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn

Từ 03/2008 – 06/2009 Trưởng phòng Kế toán thống kê Công ty

Từ 7/2009 - 16/06/2014 Kế Toán Trưởng Công Ty Cổ Phần Sản Xuất – Thương Mại May Sài Gòn.

Từ 17/06/2014 - 03/2015 Giám đốc Tài chính kiêm Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn.

Từ 03/2015 - đến nay Đảng ủy viên, Giám đốc Tài chính kiêm Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần SX – TM May Sài Gòn

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM

Công ty không có dự án mới phát sinh trong năm.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tính đến 31/12/2017, Công ty vẫn duy trì danh mục đầu tư dài hạn từ các năm trước và không phát sinh giao dịch đầu tư mới, dựa trên tình hình của các khoản đầu tư, Công ty tính toán lại giá trị hợp lý của từng khoản đầu tư ở thời điểm lập Báo cáo tài chính:

ĐVT: Triệu đồng

Đơn vị đầu tư, góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Con			
Công ty TNHH May Tân Mỹ	15.000		15.000
Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh	86.000	-16.966	69.034
Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long	1.700		1.700
Công ty liên kết			
Công ty cổ phần Phú Mỹ	4.341		4.341
Đầu tư khác			
Công ty cổ phần Da giày Sagoda	1.919		1.919
Ngân hàng TMCP Việt Á	3.998	-3.014	984
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.270		1.270
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định	10.127		10.127

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH May Tân Mỹ

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2017 so với 2016
Tổng tài sản	Triệu đồng	48.081	49.397	102,74%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	145.930	145.087	99,42%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.283	6.437	102,45%
Biên lợi nhuận trước thuế và lãi vay	%	4,31	4,80	111,46%



Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2017 so với 2016
Tổng tài sản	Triệu đồng	172.430	192.200	111,47%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	152.879	196.893	128,79%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-1.748	12.065	690,22%
Biên lợi nhuận trước thuế và lãi vay	%	-1,14	9,17	804,38%

Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long

Chỉ tiêu	ĐVT	2017
Tổng tài sản	Triệu đồng	2.339
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.679
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-1.876

Công Ty TNHH Sài Gòn Tường Long được thành lập vào ngày 26/05/2017 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702566779 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp. Sau hơn 6 tháng chính thức hoạt động ty hiện vẫn còn lỗ do năng suất chưa cao nhưng phải đảm bảo tiền lương cho người lao động. Năm 2018, Hội Đồng Quản Trị công ty sẽ cân nhắc hơn để đưa ra hướng hoạt động cho công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng / giảm 2017
1	Tổng tài sản	883.468	908.284	2,81%
2	Doanh thu thuần	1.611.379	1.605.048	-0,39%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	70.960	69.578	-1,95%
4	Lợi nhuận khác	4.736	12.827	170,84%
5	Lợi nhuận trước thuế	75.696	82.405	8,86%
6	Lợi nhuận sau thuế	60.986	64.780	6,22%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2016	2017
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,14	1,15
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,68
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,685	0,676
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,17	2,09
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	5,79	5,44
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,87	1,79
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,78%	4,04%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	22,87%	22,92%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	7,09%	7,33%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,69%	5,1%



Về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán trong năm 2017 của GMC nhìn chung không có sự biến động nhiều, hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm tăng nhẹ lên đạt 1,15 lần. Trong khi đó, nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, khoản mục hàng tồn kho tăng lên hơn 39 tỷ đồng, điều này tác động giảm hệ số thanh toán nhanh xuống còn 0,68. Mặc dù, hệ số thanh toán của GMC chỉ ở mức an toàn, nhưng nhờ kiểm toán tốt dòng tiền nên khả năng thanh toán của GMC vẫn đảm bảo tốt cho hoạt động kinh doanh.



Về cơ cấu vốn

Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ trọng khá lớn (67,6%) trong tổng tài sản. Với ngành nghề kinh doanh sản xuất và thương mại trong lĩnh vực ngành may mặc, việc sử dụng đòn bẩy tài chính giúp công ty tối ưu lợi nhuận cho cổ đông. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro mà đòn bẩy tài chính mang lại, Công ty đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát dòng tiền, cũng như thu hồi công nợ.



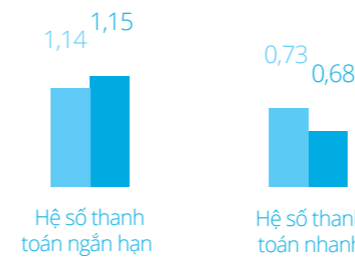
Về năng lực hoạt động

Trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn trong đà phát triển bình thường, các hệ số về năng lực hoạt động công ty không có nhiều biến động so với năm 2016, vòng quay các khoản tồn kho giảm xuống còn 5,44 vòng so với năm 2016 đạt 5,79 vòng, tương tự chỉ số hiệu quả hoạt động tài sản giảm xuống còn 1,87 so với năm 2016 là 1,79 vòng.

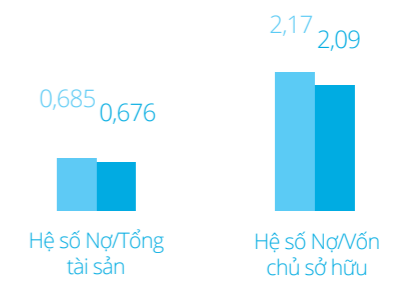


Về khả năng sinh lời

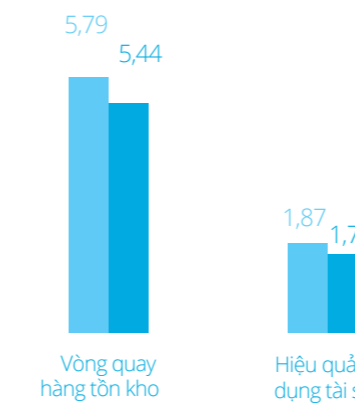
Khả năng sinh lợi trong năm 2017 của Công ty vẫn tiếp tục xu hướng phát triển ổn định, nhìn chung các chỉ số về khả năng sinh lời không có nhiều biến động so với năm 2016, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu và trên tài sản lần lượt là 22,92%; 7,33%.



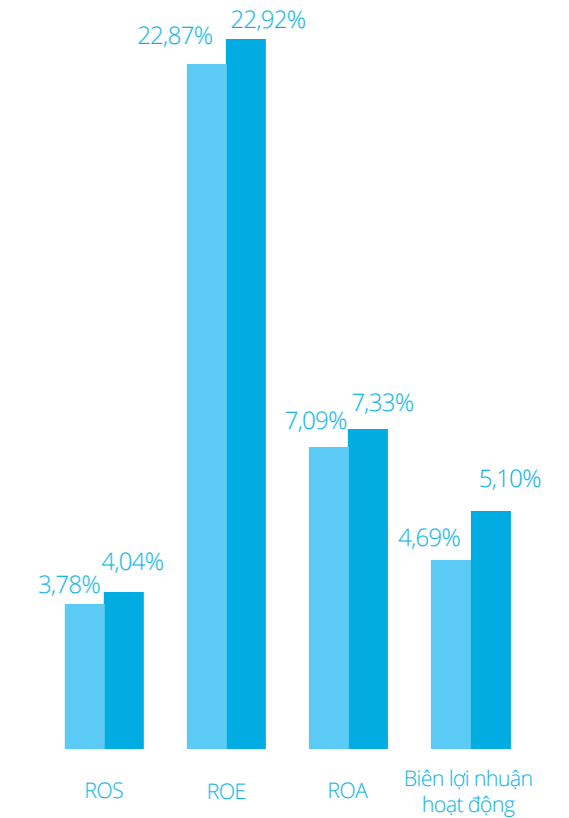
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần: 15.555.620 cổ phần
 Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
 Số cổ phiếu ưu đãi: không có
 Số cổ phiếu phổ thông: 15.555.620 cổ phần
 Số cổ phiếu quỹ: 49.260 cổ phần
 Số cổ phiếu đang lưu hành: 15.506.360 cổ phần
 Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 15.506.360 cổ phần
 Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
 Công Ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)	4.287.263	27,56%
	- Trong nước	4.287.263	27,56%
	- Nước ngoài	0	
2	Cổ đông khác	11.219.097	72,12%
	- Trong nước	8.894.587	57,18%
	- Nước ngoài	2.324.510	14,94%
3	Cổ phiếu quỹ	49.260	0,32%
	TỔNG CỘNG	15.555.620	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số cổ phần	Tỷ lệ/ Số lượng cổ phiếu lưu hành
I		Cổ đông lớn	
1	Công Ty Cổ Phần Dệt May Gia Định	1.564.385	10,06%
2	Trần Cảnh Thông	1.031.348	6,63%
II		Nhóm cổ đông lớn	
1	Lâm Tử Thanh	1.691.530	10,87%
1.1	Sở hữu cá nhân	817.910	5,26%
1.2	Đại diện Công Ty TNHH TM Á Châu	436.810	2,81%
1.3	Đại diện - Công Ty TNHH Tân Á	436.810	2,81%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tính đến 31/12/2017, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 49.260 cổ phần. Trong năm 2017, Công ty không tăng vốn và không thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ.
Các chứng khoán khác: Không có.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2017

Công ty bước vào năm 2017 với nhiều tác động bất lợi từ các thị trường xuất khẩu chính khi Liên minh Châu Âu vẫn còn chịu ảnh hưởng của sự kiện Brexit và Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Để đối mặt với những khó khăn đó, trong năm 2017, Ban điều hành đã chủ động tiến hành những phương án cụ thể để duy trì tính cạnh tranh của Garmex:

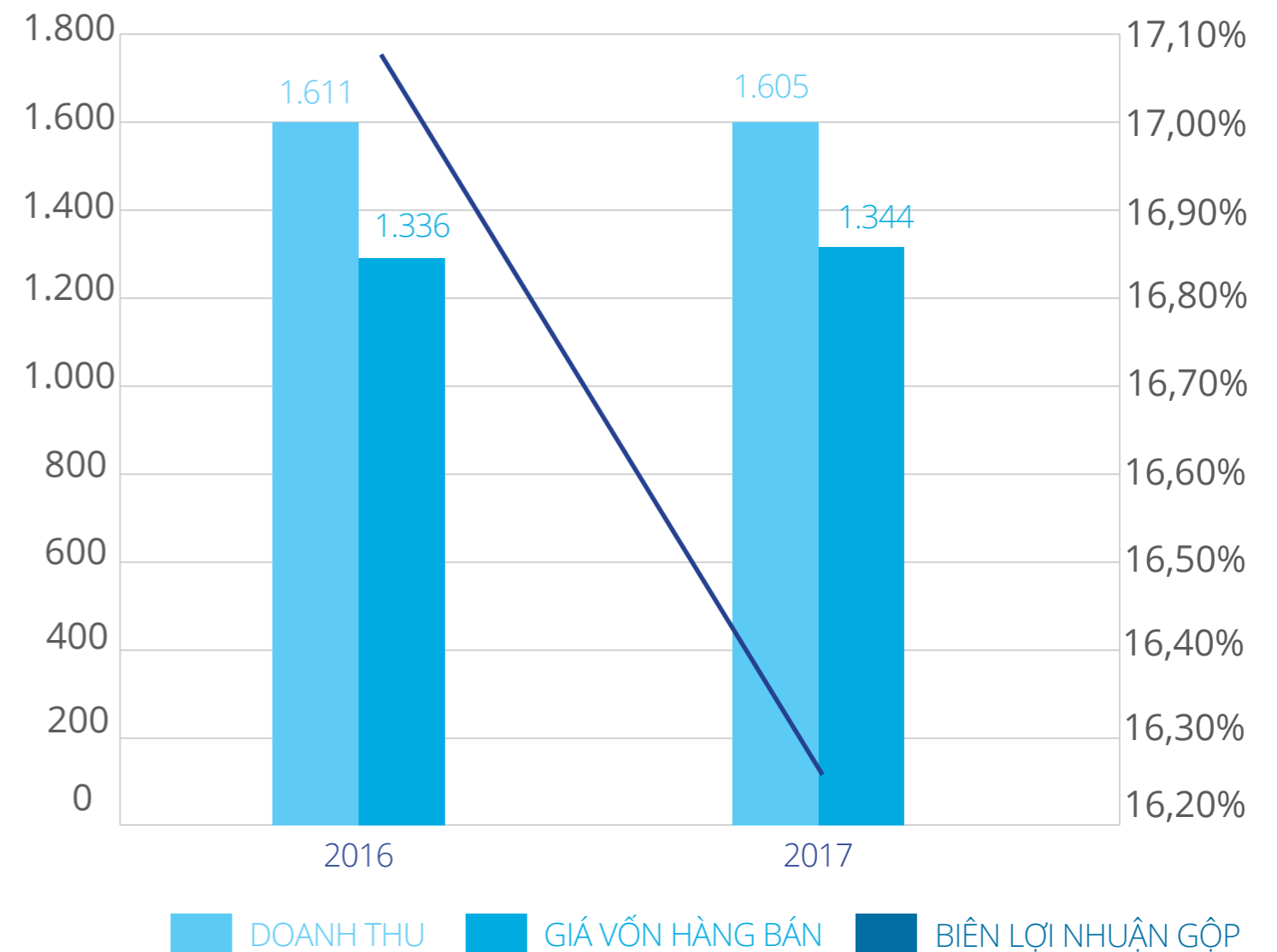
- Phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao để nâng cao tính cạnh tranh với các đối thủ có giá lao động rẻ (Cambodia, Mianma, Banlades), phù hợp sự khéo léo của lao động Việt Nam, qua đó nâng cao năng suất lao động và giá trị thặng dư.
- Tiếp tục thực hiện chính sách 'thâm dụng đầu tư' vào chất xám và nguồn lực của Công ty, đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động hóa máy móc thiết bị và nâng cao kỹ năng trong lao động trực tiếp và gián tiếp, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch công nghệ, thiết kế kỹ thuật từ nước bạn sang,... bên cạnh việc hoàn thiện mô hình chuyên lean 5S, đã thật sự phát huy hiệu quả, củng cố vị thế với Khách hàng cân đối được nguồn lực và 'mùa vụ', giảm thiểu chi phí ẩn, hỗ trợ chờ việc.
- Ban điều hành theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường để có quyết sách thích hợp;
- Hoạt động công ty con từng bước ổn định và mang lại lợi nhuận, góp phần giảm chi phí hoạt động tài chính cho Công ty.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng / Giảm 2017
1	Tổng giá trị tài sản	883.468	908.284	2,81%
2	Tài sản ngắn hạn	628.853	655.451	4,22%
3	Hàng tồn kho	227.459	266.579	17,20%
4	Tổng nợ	604.955	613.554	1,42%
5	Nợ ngắn hạn	553.574	571.956	3,32%
6	Vốn chủ sở hữu	278.513	294.730	5,82%
7	Doanh thu thuần	1.611.379	1.605.048	-0,39%
8	Lợi nhuận trước thuế	75.696	82.405	8,86%
9	Lợi nhuận sau thuế	60.986	64.780	6,22%

Về doanh thu



Về doanh thu

Doanh thu thực hiện trong năm 2017 không đạt như kế hoạch đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 do sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng cá nhân hóa tại các thị trường tiêu thụ, sự cạnh tranh giữa các quốc gia có chi phí nhân công thấp. Để tăng tính cạnh tranh, một số đơn hàng lớn Công ty phải giảm giá khoảng 2% để có được đơn hàng dẫn đến việc doanh thu không đạt được mục tiêu đề ra

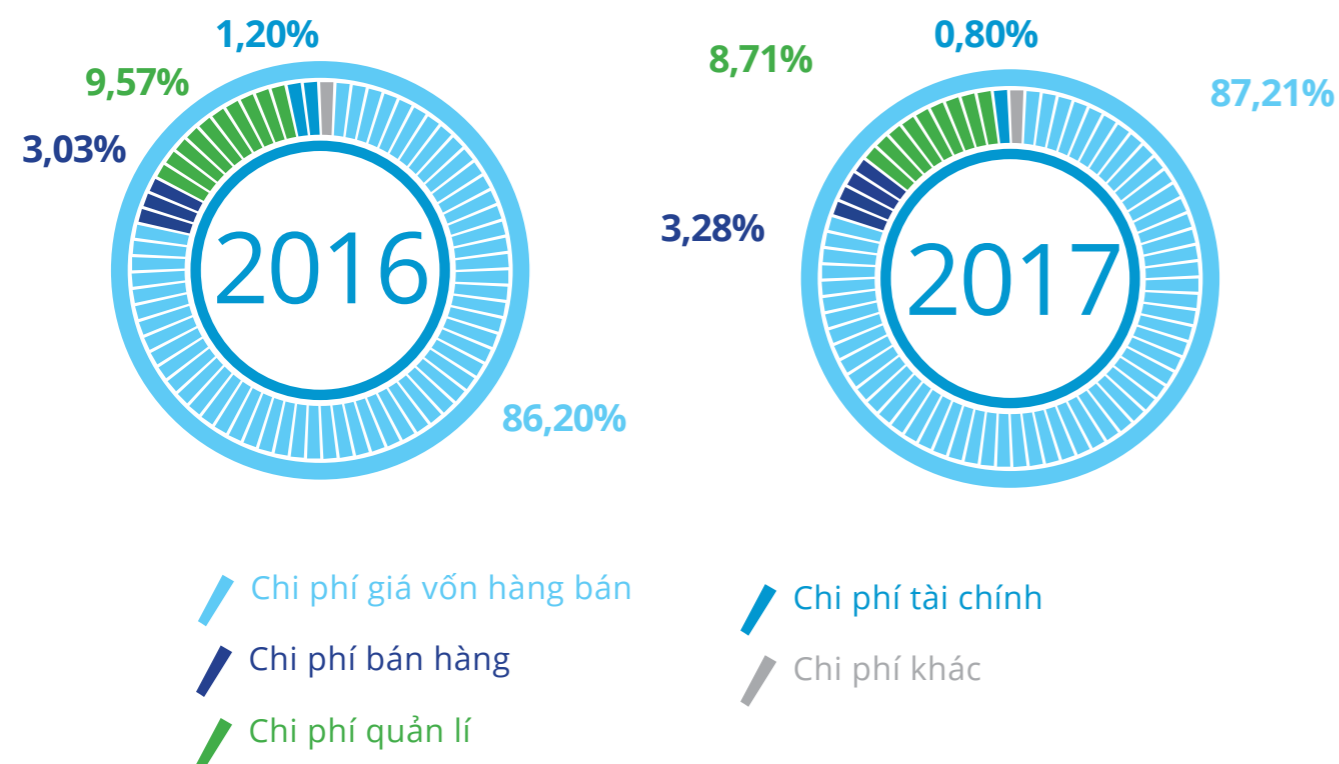
Để hạn chế tình trạng này, Ban điều hành có những phương án như sau:

- Tiếp tục thực hành chính sách tiết kiệm trong từng lĩnh vực, giảm thiểu phát sinh những chi phí không cần thiết;
- Khai thác thêm thị trường mới và khách hàng mới song song với việc duy trì khách hàng truyền thống;
- Tuyển dụng và đào tạo lại lao động để nâng cao năng lực sản xuất phát huy lợi thế các mặt bằng sẵn có của công ty;
- Nghiên cứu và triển khai hệ thống ERP nhằm kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn.

Về chi phí

Nhờ vậy, mà trong năm 2017 chi phí của Công ty giảm đáng kể:

Tiêu chí	2016	2017	% Tăng/ Giảm
Chi phí tài chính	18.607	12.263	-34,10%
Chi phí giá vốn hàng bán	1.336.254	1.344.066	0,58%
Chi phí bán hàng	46.980	50.536	7,57%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	148.299	134.236	-9,48%
Tổng	1.550.140	1.541.101	-0,58%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	628.853	655.451	4,22%
2	Tài sản dài hạn	254.615	252.833	-0,7%
3	Tổng tài sản	883.468	908.284	2,81%

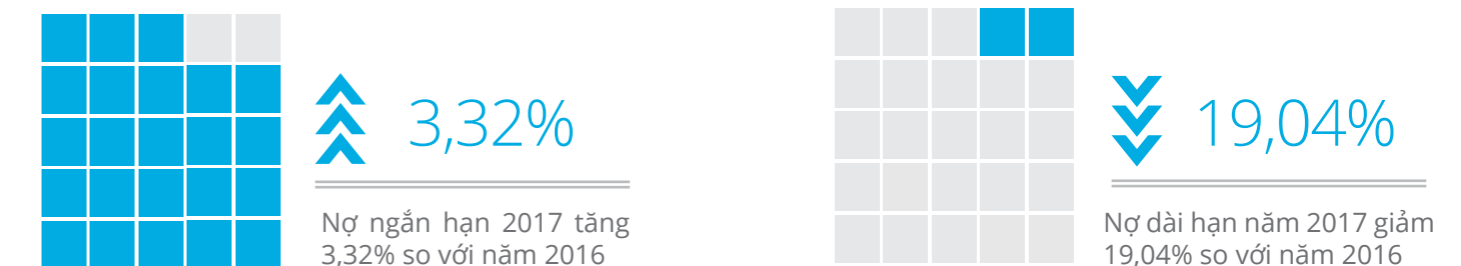
Tại thời điểm 31/12/2017, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt hơn 655 tỷ đồng chiếm 72,16% trong cơ cấu tài sản tăng 4,22% so với năm 2016, trong đó chiếm tỷ trọng lớn chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, và hàng tồn kho. Trong năm, tài sản dài hạn của Công ty giảm nhẹ 0,7%, Công ty hầu như không đầu tư mới thêm các khoản tài sản cố định.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	553.574	571.956	3,32%
2	Nợ dài hạn	51.382	41.598	-19,04%
3	Tổng nợ	604.955	613.554	1,42%

Cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn chiếm đến 93,22%, trong đó nợ vay ngắn hạn đạt hơn 316 tỷ đồng chiếm 51,55% tổng nợ. Khoản mục nợ dài hạn của Công ty trong năm có xu hướng giảm hơn 9 tỷ đồng xuống còn 41,6 tỷ đồng. Các tài sản của Công ty có tính thanh khoản cao, cộng với việc độ tín nhiệm tín dụng cao nhờ hoạt động sản xuất phát triển ổn định giúp áp lực tài chính của Công ty giảm thiểu đáng kể.



ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH LÃI VAY

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017
1	Vay ngắn hạn	298.743	316.300
2	Vay dài hạn	45.055	35.590
3	Chi phí lãi vay	9.271	9.101
4	Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	0,58%	0,57%

Mặc dù, có tỷ lệ nợ vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn những chi phí lãi vay trên doanh thu thuần năm 2017 chỉ chiếm 0,57% nên khả năng thanh toán lãi vay của Công ty tốt. Ngoài ra, Công ty luôn lên kế hoạch chi tiết sử dụng các khoản nợ vay phù hợp với nhu cầu kinh doanh thực tế, giúp chi phí lãi vay được sử dụng một cách hiệu quả nhất.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ MẶT TỔ CHỨC

- Năm 2017 đánh dấu bước trưởng thành trong hoạt động quản lý, tổ chức, sản xuất tại Công ty. Mô hình LEAN 5S được thực hiện thành công, mang lại hiệu quả năng suất cao, cải thiện thu nhập người lao động, giảm thời gian làm việc, tiết kiệm chi phí cho Công ty, ổn định lực lượng lao động. Mô hình mang tính khác biệt của công ty.
- Công tác đào tạo người lao động được triển khai triệt để, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí tại Công ty. Đào tạo kỹ năng, kiến thức và trình độ tiếng Anh cho nhân viên kinh doanh; nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên văn phòng; kỹ năng sử dụng phần mềm 3D, các phần mềm phục vụ cho chiến lược chuyển đổi sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao cho đội ngũ thiết kế; tiếp tục đào tạo chuẩn hóa đội ngũ, quy trình công nghệ và quản lý chất lượng cho cán bộ quản lý và người lao động trực tiếp tại Công ty.
- Thời gian làm việc được điều chỉnh linh hoạt kết hợp với chính sách tiền lương 3P: trả lương theo năng lực làm việc, tạo động lực cho người lao động tăng năng suất, làm việc hiệu quả cao
- Là một trong 8 đơn vị trên toàn cầu được Columbia chọn làm chương trình CMAT.
- Chương trình CMAT theo tiêu chuẩn của khách hàng Columbia Sportswear viết tắt là Continuous maturity assessment tool

CHÍNH SÁCH HOẠT ĐỘNG

- Động viên, khuyến khích người lao động trong việc thực thi chức năng, trách nhiệm, quyền hạn và kỹ năng lao động thì việc duy trì chính sách lương thưởng theo năng lực và hiệu quả công việc là giải pháp Công ty đang hướng đến.
- Chính sách "Thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động" được Công ty tiếp tục triển khai triệt để.
- Tiếp tục nhân rộng và hoàn thiện mô hình Lean 5S để nâng cao năng suất lao động, giảm thời giờ làm việc nhưng vẫn đảm bảo cho thu nhập của người lao động.

được hiểu là Công cụ đánh giá hệ thống trưởng thành theo tiêu chuẩn của khách hàng Columbia Sportswear. Áp dụng cho những doanh nghiệp tự chủ từ việc phát triển sản phẩm, sản xuất cho đến khi kiểm soát chất lượng đảm bảo các yêu cầu của khách hàng. Công cụ này giúp doanh nghiệp tự xây dựng và đánh giá toàn hệ thống, cải tiến liên tục và đo lường hiệu quả của quy trình, giúp doanh nghiệp tự sản xuất, tự kiểm tra chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng không thông qua việc đánh giá chất lượng của khách hàng.

- Là một trong hai đơn vị cung cấp hàng cho Columbia trên toàn cầu được chọn làm thí điểm chương trình kỹ thuật phát triển mẫu trực tiếp, theo đó:
 - Garmex Sai Gòn sẽ gửi mẫu trực tiếp cho khách hàng Columbia Mỹ, mà không cần thông qua văn phòng đại diện của khách hàng tại Việt Nam Trực tiếp làm việc và liên hệ để trao đổi những vấn đề phát sinh cần giải quyết với văn phòng của khách hàng Mỹ
 - Cập nhật thông tin lên hệ thống của khách hàng
 - Việc này đòi hỏi kỹ năng của đội ngũ thiết kế phải đáp ứng yêu cầu cao của khách hàng, kỹ năng tiếng Anh tốt.
 - Giúp công ty tiết kiệm thời gian so với cách làm cũ đồng thời Khách hàng cũng nắm bắt kịp thời thông tin trên phần mềm hệ thống.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÔNG TY

- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng, và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp. Không ngừng cải thiện môi trường làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển, cùng các chính sách phúc lợi và thu nhập ưu đãi.
- Thực thi cơ chế lương "mềm", nhân viên có thành tích nổi trội dựa trên đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của từng nhân viên định kỳ 6 tháng 1 lần. Kết quả đánh giá là cơ sở cho việc xét thưởng, nâng bậc thu nhập và đề bạt vào các chức danh quản lý.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG MAY MẶC THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2016-2021



Năm	Tỷ USD	% Tăng trưởng
2016	842,7	5,5
2017	872,3	3,5
2018	903,9	3,6
2019	937,4	3,7
2020	970,9	3,6
2021	1.004,6	3,5
Tốc độ tăng trưởng kép hằng năm		3,6

Dựa trên thực tế sản xuất kinh doanh năm 2017 và dự báo cho năm 2018, Ban lãnh đạo Garmex Saigon đã đề ra chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	2018 /2017
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.605	1.700	105,92%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	83	70,6	85,06%

Năm 2017 lợi nhuận trước thuế 83 tỷ đồng (trong đó đã bao gồm gần 13 tỷ lợi nhuận từ thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất)



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH
TIÊU THỤ NĂNG
LƯỢNG TRỰC
TIẾP

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI
NGƯỜI LAO ĐỘNG

TRÁCH NHIỆM VỚI
MÔI TRƯỜNG

TRÁCH NHIỆM VỚI
CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (TIÊU THỤ NƯỚC, NĂNG LƯỢNG, PHÁT THẢI)

Đơn vị kinh doanh	Điện (Kwh)		Tình hình 2017/2016
	2016	2017	
Garmex SaiGon	3.653.671	3.752.585	2,71%
Công ty TNHH May Tân Mỹ	1.008.890	859.730	-14,78%
Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh	539.520	730.080	35,32%
Tổng cộng	5.202.081	5.342.395	2,70%

Đơn vị kinh doanh	Gas (KG)		Than (KG)		Dầu D/O (Lít)	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Garmex SaiGon	26.613	32.274	267.817	232.841	-	-
Công ty TNHH May Tân Mỹ	12.299	8.955	156.562	109.118	4.500	1.400
Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh	5.400	3.475	-	-	-	-
Tổng cộng	44.312	44.704	424.380	341.959	4.500	1.400

Nhìn chung, tổng số điện được sử dụng là 5.342.395 Kwh, tăng khoảng 140.314 Kwh so với năm 2017 tuy nhiên tổng nhiên liệu sử dụng gas, than, dầu lại giảm lần lượt là 84.421 kg, 3.100 lít. Việc chuyển đổi thiết bị sử dụng than sang điện góp phần làm cho sản xuất xanh hơn là một trong những yếu tố tăng sản lượng điện tiêu thụ. Bên cạnh đó việc tăng năng suất tăng là một trong những yếu tố góp phần tăng mức sử dụng điện ở các nhà máy. Tuy nhiên do sắp xếp tổ chức mô hình sản xuất Lean 5S nên đã góp phần giảm mức tăng tiêu thụ điện (năng suất bình quân trong năm tăng 5% so với cùng kỳ trong khi mức tăng tiêu thụ điện chỉ bằng 2,7% so với năm 2016).

Đơn vị có chỉ số tiêu thụ điện và gas giảm là Tân Mỹ một phần là do lao động giảm 1 phần là do công ty sắp xếp lại mặt bằng, tổ chức sắp xếp lại sản xuất nên chỉ số tiêu thụ điện và gas giảm.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG



Công tác chăm lo Người lao động

- Với phương châm hoạt động xem người lao động và vốn quý, các chính sách của Công ty luôn xoay quanh vấn đề xây dựng nguồn nhân lực chất lượng, đảm bảo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Garmex Saigon Không ngừng cải thiện môi trường làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển, cùng các chính sách phúc lợi và thu nhập ưu đãi. Những nhân sự trẻ xuất sắc, năng động và có tố chất để phát triển thành những nhà lãnh đạo trong tương lai luôn được công ty tạo phát triển đội ngũ kế thừa.
- Người lao động tại Công ty được đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng trên cơ sở chất lượng công việc, và được chăm lo sức khỏe nghề nghiệp. Đây là điều kiện tiên quyết của môi trường làm việc lý tưởng. Các quy tắc được áp dụng tại Công ty không chỉ đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Luật Lao động và Luật An toàn vệ sinh lao động, mà còn đảm bảo các tiêu chuẩn đánh giá quốc tế do khách hàng đề ra.

Công tác chăm lo đời sống cho lao động và thân nhân

- Người lao động tại công ty được đảm bảo 100% tham gia bảo hiểm y tế, thất nghiệp, tai nạn. Đáp ứng các tiêu chuẩn về sử dụng lao động tại Việt Nam. Hàng năm công ty chi thêm trên 446 triệu đồng để mua bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Ngoài ra Công ty còn tổ chức các chương trình tư vấn, thăm khám sức khỏe định kỳ với sự tham gia của các bác sĩ chuyên khoa nhằm thường xuyên đảm bảo tình trạng sức khỏe lao động tại Công ty, ngoài ra còn có các chính sách hỗ trợ cho người lao động khi gặp vấn đề về sức khỏe của cá nhân và thân nhân người lao động.
- Người lao động gặp khó khăn đột xuất công ty chi hỗ trợ từ 500.000 đồng trở lên. Hàng năm vào dịp tết Nguyên Đán ngoài chính sách chăm lo tết chung công ty còn hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn 1.000.000 đồng để góp phần giảm bớt lo toan ngày tết cho người lao động.
- Kết hợp cùng với Công đoàn, và Đoàn thanh niên, Công ty luôn tiến hành chăm lo đời sống cho người lao động, tổ chức bếp ăn công nghiệp, định kỳ đánh giá chất lượng bếp ăn thông qua khảo phiếu khảo sát mức độ hài lòng để có bước cải thiện kịp thời và có chính sách tăng cường cải thiện suất ăn phù hợp với từng thời

Công tác đào tạo, phát triển người lao động

Dệt may vốn là một ngành có nhu cầu lao động cao, yêu cầu tay nghề tốt và ổn định, vì lẽ đó mà người lao động là yếu tố then chốt quyết định thành bại của Công ty trong ngành. Tại Garmex Saigon, người lao động thường xuyên được chú trọng đào tạo kỹ năng làm việc và được xác định theo yếu tố lao động. Công ty còn tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn, tạo điều kiện cho người lao động hiểu thêm về mô hình hoạt động của Công ty, mô hình LEAN 5S, giúp người lao động mới làm quen với guồng máy lao động nhanh hơn, giúp người lao động cũ có cơ hội rèn luyện, thực hành theo đúng tinh thần của mô hình 5S. Công nhân sản xuất được chú trọng đào tạo kỹ

điểm. Vào các ngày lễ công ty chăm lo thêm bữa ăn nhẹ cho người lao động (tổng số tiền 206.159.000 đồng). Vào dịp tết nguyên đán, Công đoàn tổ chức họp mặt cuối năm cho các Công nhân ăn tết xa nhà, tặng quà cho đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức xe về quê ăn tết (tổng số tiền 134.600.000 đồng). Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ các Công nhân gặp khó khăn đột xuất, hỗ trợ tiền xăng và gửi trẻ cho người lao động (tổng cộng 9.897.380.858 đồng), hỗ trợ công nhân nữ đơn thân nuôi con (tổng cộng 291.761.538 đồng), hỗ trợ người lao động mua bảo hiểm tai nạn với giá 56.000 đồng/năm/người,... Công ty còn triển khai mô hình bảo hiểm sức khỏe theo nhóm giúp cho người lao động và thân nhân có được sản phẩm bảo hiểm sức khỏe tốt hơn với các điều kiện mở rộng hơn.

- Công ty cũng có những ưu đãi cho con em cán bộ công nhân viên trong công ty, cụ thể trong năm 2017, Công ty đã cử 08 em thiếu nhi có thành tích tốt trong học tập tham gia trại hè Thanh Đa - Bình Thạnh, đề xuất các cơ quan ban ngành tặng quà nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/06 cho 3.546 cháu thiếu nhi trong địa bàn Với số tiền 322.490.000. Ngoài ra, Công ty còn trao quà và học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho các bé có thành tích xuất sắc trong học tập với tổng chi phí 83.400.000đ.

năng sản xuất, nhân viên nghiệp vụ được đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ liên quan, cấp tổ trưởng được chú trọng đào tạo nâng cao khả năng, năng lực quản lý tùy vào cấp độ quản lý liên quan. Số giờ đào tạo bình quân là 24 giờ trên mỗi người lao động. Công ty còn cử nhân viên nghiệp vụ tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao kỹ năng làm việc đáp ứng với điều kiện mới.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Là doanh nghiệp có uy tín trong ngành may, Garmex Saigon luôn cố gắng duy trì sự linh hoạt, năng động với những thay đổi tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, và khéo léo, nhạy bén trong việc kiểm soát, quản lý môi trường. Định kỳ công ty vẫn theo dõi đánh giá tác động môi trường để có hướng khắc phục cũng như duy trì cải thiện:

- Trong năm, Công ty đã ủng hộ cho đồng bào Miền Trung chịu ảnh hưởng của thiên tai số tiền là 175.500.000 đồng, số tiền này đã được Công ty trao cho Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên thăm các trung tâm nuôi trẻ khuyết tật tại Trung tâm Nguyễn Văn Bảo Quận Gò Vấp, Khoa Nhi bệnh viện Ung Bửu Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Nhi đồng 2 và Mái ấm Thiên Phước huyện Củ Chi với tổng số tiền hỗ trợ là 90.000.000 đồng. Ủng hộ 10.000.000 đồng sửa nhà mẹ Việt Nam Anh Hùng ở Tỉnh Bến Tre.
- Hỗ trợ làm phòng thư viện cho Lữ Đoàn tàu ngầm 189 với số tiền 180.000.000 đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH DỆT MAY TRONG NĂM 2017

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VẪN DIỄN BIẾN PHỨC TẠP

Năm 2017, kinh tế thế giới phục hồi tốt hơn, tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6% nhờ sự gia tăng đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Các nền kinh tế chủ chốt đều có sự phục hồi vững chắc đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Không chỉ Mỹ, Trung Quốc, mà châu Âu, Nhật Bản, những nền kinh tế vốn được xem có tốc độ tăng trưởng thấp trong nhiều năm qua, cũng đã bứt phá và trở thành động lực thúc đẩy kinh tế toàn cầu khởi sắc. Trung Quốc vẫn là nhà xuất khẩu hàng dệt may số một thế giới sang châu Âu, song vị trí này đang bị cạnh tranh rất lớn từ các nước phương Tây và Đông Nam Á.

TÌNH HÌNH CẠNH TRANH TRONG NGÀNH SO VỚI QUỐC TẾ

Công đoạn sản xuất hàng may mặc là công đoạn thâm dụng lao động cao. Do đó chi phí lao động và chất lượng lao động quyết định lớn tới việc lựa chọn bên sản xuất hàng dệt may. Căn cứ vào số liệu tổng hợp của ILO năm 2016 về chi phí lao động, Trung Quốc là nước có mức lương tối thiểu hàng tháng của công nhân may cao nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương trong số 20 quốc gia xuất khẩu lớn được lựa chọn, với mức lương tối thiểu trung bình cao nhất là 297 USD tại Thượng Hải. Mức lương này cao gần gấp 5 lần mức lương tại Sri Lanka (66 USD)

và Bangladesh (68 USD). Ở các nước như Campuchia, Ấn Độ, Pakistan và Việt Nam, mức lương tối thiểu cao nhất đạt được từ 119 đến 145 USD, vẫn chỉ đạt một nửa mức lương tối thiểu cao nhất tại Trung Quốc. Tại các khu vực Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan, mức lương tối thiểu cao hơn, đạt được từ 237 đến 269 USD. Như vậy, tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Việt Nam vẫn đang ở trong nhóm có chi phí lao động thấp.

Chất lượng lao động ngành may được thể hiện rõ nhất qua thời gian sản xuất. Trong ngành công nghiệp dệt may, với các xu hướng thời trang thay đổi nhanh chóng và sự bắt chước về kiểu mẫu rất nhanh nhạy, việc chủ động quản lý thời gian sản xuất và kịp thời giao các đơn hàng với thời gian càng ngắn là một tiêu chí rất rõ thể hiện chất lượng lao động. Hiện tại Trung Quốc, Bangladesh, Việt Nam, Ấn Độ là các quốc gia sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc lớn trên thế giới. Thời gian sản xuất tại Trung Quốc và Ấn Độ đều ngắn tương đối so với các quốc gia còn lại. Tiếp theo là Malaysia, Việt Nam, Srilanka, Indonesia với thời gian sản xuất dài hơn (trung bình là 60 - 90 ngày với sản phẩm quần áo bằng vải dệt thoi và 60 - 70 ngày với vải dệt kim). Bangladesh và Campuchia không có lợi thế tương đối về thời gian sản xuất so với các quốc gia còn lại.

TÌNH HÌNH CHUYỂN DỊCH SẢN XUẤT CỦA NGÀNH MAY MẶC

Xét trong khu vực, Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ là các quốc gia có kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc lớn (chiếm 53 % kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc toàn cầu).

Trung Quốc vốn là nước xuất khẩu hàng may mặc lớn nhất thế giới, nhưng tốc độ tăng trưởng âm trong năm 2016 (tốc độ tăng trưởng -10%), cho thấy việc sản xuất hàng may mặc đã có xu hướng bão hòa ở Trung Quốc và công đoạn sản xuất hàng may mặc chuyển dần sang các nước châu Á Thái Bình Dương khác như Bangladesh, Ấn Độ, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ... Bangladesh và Campuchia có tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2016 (8% và 12%) trong khi sản xuất hàng may mặc ở Việt Nam, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ tăng trưởng với tốc độ chậm lại.

Các quốc gia đang phát triển khác như Indonesia, Campuchia, Tunisia, Myanma... mặc dù kim ngạch xuất khẩu chỉ ở mức thấp tuy nhiên cũng đang có tốc độ tăng trưởng vượt bậc. Các quốc gia này được kỳ vọng sẽ tiếp tục đón đầu làn sóng dịch chuyển công đoạn sản xuất hàng may mặc từ Trung Quốc trong thời gian tới.

XU HƯỚNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG SẢN PHẨM MAY MẶC TRONG TƯƠNG LAI

1

Xu hướng mua hàng online gia tăng

Trên cơ sở khảo sát của PWC năm 2017, xu hướng tiêu dùng trên thế giới các sản phẩm nói chung là giảm dần mua sắm qua các kênh bán lẻ truyền thống và tăng mua sắm qua các phương tiện thương mại điện tử. Tại các thị trường tiêu thụ sản phẩm dệt may lớn như Mỹ, Nhật, EU khoảng 30% - 40% người tiêu dùng giảm tiêu thụ sản phẩm qua các cửa hàng bán lẻ truyền thống do Amazon. Tại thị trường Trung Quốc, 24% người được hỏi trả lời họ giảm mua sắm tại các cửa hàng bán lẻ do Tmall.com (một kênh bán hàng của Alibaba). Như vậy, cách thức phân phối truyền thống đang có nguy cơ bị đe dọa do ảnh hưởng từ thương mại điện tử và xu hướng mua hàng online.

Xu hướng cá nhân và cá biệt hóa trong tiêu thụ sản phẩm

Trong bối cảnh nhu cầu thay đổi sản phẩm thời trang cao và xu hướng cá nhân và cá biệt hóa sản phẩm, việc liên tục thay đổi kiểu dáng và mẫu mã sản phẩm trở nên cần thiết. Phương thức sản xuất đại trà cần thay đổi theo hướng giảm thiểu về quy mô mỗi lô hàng để tránh tồn kho cao. Hơn nữa, hiện nay người tiêu dùng đã có thể thiết kế riêng sản phẩm dệt may cho riêng mình, người tiêu dùng có thể cá nhân hóa sản phẩm giày thể thao Nike, áo vest Brooks Brothers, áo khoác Burberry và túi Longchamp theo phong cách cá nhân của riêng mình. Cụ thể, người tiêu dùng có thể lựa chọn màu sắc, họa tiết, chất liệu, chiều dài, độ rộng, thiết kế, mẫu mã của sản phẩm và đặt hàng trực tiếp từ nhà sản xuất. Do đó, dần dần việc sản xuất cũng cần thay đổi để thích ứng với thay đổi trong xu hướng tiêu dùng sản phẩm.

2

Xu hướng tinh gọn thời gian sản xuất

Lĩnh vực thời trang có tính mùa vụ và cần liên tục thay đổi để phù hợp với các xu hướng tiêu dùng cập nhật. Zara tung ra thị trường hơn 10.000 thiết kế mỗi năm và trung bình mỗi tuần cập nhật mới sản phẩm 2 lần/tuần tại 1.670 cửa hàng trên khắp thế giới. Do đó, thời gian sản xuất đóng vai trò rất quan trọng.

Hiện nay, xu hướng tinh gọn thời gian sản xuất hay còn gọi là xu hướng sản xuất nhanh đang là yêu cầu mới trong lĩnh vực dệt may. Theo đó, thời gian sản xuất cho một số đơn hàng của Zara, H&M chỉ còn 10 - 15 ngày thay vì 30 - 45 ngày như trước kia. Như vậy, các đơn vị sản xuất hàng dệt may cần chủ động và linh hoạt trong sản xuất để đáp ứng kịp thời xu hướng.

3

NHỮNG CƠ HỘI CHO DOANH NGHIỆP

Xuất khẩu hàng may mặc sang các nước ASEAN đang rất thuận lợi, nhờ sức cạnh tranh cao và tận dụng hiệu quả những lợi ích từ việc tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN mang lại. Xuất khẩu sang thị trường này năm 2017 ước đạt 860 triệu USD, tăng 26% so với năm 2016. Dự báo, năm 2018 tiếp tục tăng trưởng mạnh.

Hàng may mặc của Việt Nam vẫn có lợi thế cạnh tranh tại thị trường Mỹ, dù Mỹ không tham gia TPP, do có ưu điểm về chất lượng, giá cả và cam kết giao hàng. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt may từ Việt Nam sang Mỹ tiếp tục vượt qua các đối thủ cạnh tranh, thậm chí khi không được hưởng lợi từ bất kỳ chương trình ưu đãi thương mại hay Hiệp định Thương mại tự do nào.

Tay nghề của người lao động trong ngành ngày một nâng cao, năng suất được cải thiện, chất lượng ngày càng tốt hơn và quan trọng là uy tín của DN với các đối tác mua hàng khá tốt nên phần lớn các nhà NK đều dành cho Việt Nam các đơn hàng lớn, chỉ chuyển một số đơn hàng nhỏ sang các nước như Myanmar, Campuchia.

Kinh tế vĩ mô trong nước đã có sự chuyển biến tốt hơn, các cân đối lớn trong nền kinh tế cơ bản được kiểm soát và điều tiết từ chính phủ để bảo đảm nền kinh tế được ổn định, an sinh xã hội được đảm bảo ... nổi bật nhất trong thời gian qua giá xăng dầu được điều chỉnh giảm nhiều lần, ổn định và hỗ trợ mạnh mẽ cho các doanh nghiệp sản xuất, cải thiện đời sống người dân.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2017

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	1,605,048	1,700,000	94.41%
2	Lợi nhuận trước thuế	82,405	68,000	121.18%

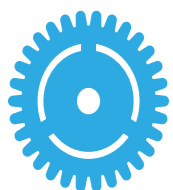
Kết quả thực hiện năm 2017 cho thấy Công ty hoàn thành 94,41% kế hoạch doanh thu thuần, về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt 21,18% kế hoạch đề ra.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN



Trong năm 2017, công ty không có triển khai dự án chỉ thành lập Công Ty TNHH Sài Gòn – Tường Long trong đó Garmex Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ nhưng sau 6 tháng hoạt động chính thức công ty còn lỗ do năng suất thấp, công ty phải đảm bảo thu nhập cho người lao động. Năm 2018, Hội Đồng Quản Trị công ty cân nhắc hơn về hoạt động cho công ty.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM



Hầu hết tập thể đã thực sự có những chuyển biến tốt về tinh thần trách nhiệm đối với công việc, ý thức chấp hành kỷ luật lao động, về thái độ phục vụ, tác phong lễ lối làm việc, quan hệ ứng xử, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, duy trì khá tốt các giải pháp chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật. Mỗi cán bộ công nhân viên dù ở bất kỳ cương vị công tác nào đều đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, liên tục trau dồi học tập, nâng cao kiến thức chuyên môn, “Toàn tâm toàn ý với công việc mà mình đang làm để trở thành một người làm việc chuyên nghiệp”.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Garmex Saigon luôn nhận thức được vai trò của việc giữ gìn bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Công ty đã kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thời gian qua, Công ty đã liên tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ nhằm cải tạo môi trường, vệ sinh phong quang, cũng như đóng góp sức mình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Tuân thủ pháp luật về môi trường

- Chú trọng công tác đầu tư, dây chuyền sản xuất, đảm bảo an toàn đối với người lao động, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường, cũng như đáp ứng tốt yêu cầu của Khách hàng về chất lượng sản phẩm.
- Hệ thống xử lý chất thải cũng được Công ty quan tâm xem xét, đảm bảo xử lý tốt chất thải trong quá trình sản xuất trước khi thải ra môi trường, trong đó các loại chất thải được phân loại kỹ trước khi tiến hành xử lý, đưa ra môi trường.
- Hệ thống cấp nước tại Công ty đã được xử lý tách bỏ tạp chất, đảm bảo có thể uống được ngay từ bất kỳ vòi nước nào tại Công ty. Các nhà ăn tại các nhà máy thuộc Garmex Saigon đều do các xí nghiệp tự vận hành và quản lý, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho người lao động tại Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

Ổn định việc làm, giảm thiểu thời gian chờ việc của người lao động, giảm chi phí hỗ trợ lương; tăng thu nhập, chăm sóc tốt đời sống vật chất tinh thần Người lao động do đó tình hình lao động ổn định mà thể hiện rõ nhất là Người lao động trở lại làm việc sau Tết 2018 đạt tỷ lệ trên 99%;

Từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý, mô hình sản xuất mang tính khác biệt, Lean 5S, góp phần nâng cao năng suất lao động (so với cùng kỳ tăng 4,6%), giảm thiểu tỷ lệ tái chế, tăng tần suất giao hàng đúng hạn...;

Từng bước chuyển đổi thành công chiến lược sản xuất hàng hàm lượng kỹ thuật cao, củng cố, phát triển nguồn nhân lực bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống quản lý. Chiến lược bước đầu đã mang lại kết quả khả quan khi Khách hàng xác định hàng hóa phức tạp kỹ thuật, công nghệ hoặc sử dụng nguyên phụ liệu mới chỉ có thể sản xuất tại GSMG;

Tiếp tục xác lập vị thế với k/h truyền thống, gia tăng khả năng ưu tiên phân bổ đơn hàng sản xuất, góp phần ổn định sx ngay từ đầu năm 2018, khắc phục tình trạng 'hụt hàng' trong mùa thấp điểm ;

Từng bước ổn định và kiện toàn hoạt động công ty con Sài Gòn Xanh, từ sản xuất tại Hà Lam (tăng ns 13,79%) đến hoạt động BSGLLC tại Hoa kỳ (giảm lỗ 390,323.83 USD , hiệu quả hàng FOB 111,889.72 USD)

NHỮNG MẶT CHƯA LÀM ĐƯỢC & NGUYÊN NHÂN

Chi phí ẩn vẫn chưa được chủ động kiểm soát nên ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty, một bộ phận, cá nhân đã không chuyển đổi kịp thời tư duy hay kỹ năng khi triển khai chủ trương sản xuất hàng hàm lượng kỹ thuật cao, sử dụng nguyên phụ liệu hay công nghệ mới nên dẫn đến sai sót, phải khắc phục, chờ việc, xuất hàng không kịp tiến độ, ...

Một số lĩnh vực chưa có cơ chế quản lý thích hợp nên việc quản lý long lẻo kéo dài, gia tăng tồn kho, chưa có biện pháp khắc phục (chỉ);

Một bộ phận cán bộ quản lý trung cấp chưa thật sự chủ động trong xử lý công việc, khi xảy ra sự cố thường lúng túng xác định trách nhiệm hoặc phối hợp để xử lý dẫn đến chậm trễ, gia tăng chi phí ẩn. Một bộ phận còn thụ động, quản lý tác nghiệp, thừa hành hơn lãnh đạo, điều hành. Khi xảy ra sự cố chờ lãnh đạo phân tích, chỉ ra giải pháp, chưa chủ động giải quyết trong phạm vi trách nhiệm đã được phân công.

Vẫn còn tình trạng đánh giá cán bộ hoặc bộ phận quản lý theo cảm tính, chưa xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở trách nhiệm được giao đầu năm và chức năng nhiệm vụ của từng vị trí.

Nguyên nhân: kỷ cương trong tuân thủ các quy định, hướng dẫn của hệ thống còn long lẻo và một bộ phận quản lý chưa thật sự quan tâm việc kiểm soát sự tuân thủ trong vận hành hệ thống. Nhiều sự cố khi xảy ra được truy vết thì đều có kết luận sai qui trình hoặc hướng dẫn nhưng tình trạng này vẫn tiếp tục lặp lại, như việc cung cấp npl trễ hơn hợp đồng hay chất lượng không được đảm bảo, chu kỳ kiểm tra không theo qui định ... nhưng cuối cùng vẫn chưa qui kết ai sẽ chịu trách nhiệm dẫn đến sản xuất phải chờ việc.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2018

Tình hình chung: Năm 2018 tiếp tục ổn định khi thị trường tiếp tục có những thuận lợi, kinh tế toàn cầu, nhất là những thị trường truyền thống tăng trưởng ổn định, thời tiết thuận lợi cho chủng loại sản phẩm thể thao của công ty. Cạnh tranh khu vực sẽ giảm đối với Trung Quốc khi chính phủ nước này thay đổi chính sách tang trưởng kinh tế, không chú trọng phát triển các ngành chiếm dụng nhiều lao động, giá trị gia tăng ít và chi phí lao động cao, các nước mới phát triển ngành may như Cambodia, Mianma thì chưa nhiều kinh nghiệm trong sản xuất những loại sản phẩm hàm kỹ thuật phức tạp.

Kinh tế vĩ mô ổn định cùng với những quyết tâm đổi mới trong điều hành của chính phủ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp ngành may, 2018 cũng là năm các hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các nước hay khu vực có hiệu lực hoặc được ký kết, tạo điều kiện xúc tiến mở rộng thị trường.

Tuy nhiên, công ty cũng gặp nhiều thách thức tác động đến hiệu quả: cạnh tranh trên thị trường tại từng nước diễn ra gay gắt hơn,

không chỉ trong ngành hàng mà còn diễn ra qua phương thức phân phối, giữa các cửa hàng truyền thống với thương mại điện tử online, không chỉ cạnh tranh theo xu hướng tiêu dung mà còn trên kết cấu giá thành khi phân phối; hàng hóa sẽ đa dạng, phong phú hơn, không chỉ kiểu dáng mà cả ở chất liệu hay giá trị khi sử dụng và ngày càng cá tính hơn. Để đáp ứng xu hướng và nhu cầu cạnh tranh, Khách hàng sẽ có hàng hóa phong phú, nhiều kiểu dáng nhưng số lượng sẽ giảm thiểu, giao hàng nhanh để phục vụ yêu cầu của thị trường bên cạnh việc nghiên cứu thay đổi chất liệu để có sản phẩm phù hợp thị hiếu nhưn giá thành thật cạnh tranh hoặc lạ lẫm, cá tính. Nếu dự báo trên chính xác, công ty cần phải có đội ngũ kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên nghiệp, linh hoạt và bộ máy sản xuất phản ứng nhanh, tuân thủ các quy định của hệ thống để kịp thời cung ứng sản phẩm theo yêu cầu của thị trường với số lượng mẫu ngày càng nhiều, nhưng sản lượng sản phẩm từng mẫu giảm đi. Nếu vượt qua những thách thức trên, công ty sẽ có năng lực cạnh tranh phù hợp xu hướng thị trường, tăng trưởng bền vững.





Định hướng đối nội

Diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế toàn cầu – khu vực, chiến tranh sắc tộc, tôn giáo diễn ra phức tạp khó lường cùng xu hướng phát triển công nghệ thế hệ 4.0. Nhưng với những trải nghiệm trong gần 3 nhiệm kỳ đã qua, dù tình hình có khó khăn đến mấy nhưng nếu công ty có bộ máy chuyên nghiệp, đồng tâm hiệp lực cùng hệ thống quản lý hoàn thiện, dồi dào năng lực cạnh tranh cùng sự tĩnh táo, bản lĩnh của đội ngũ lãnh đạo thì đều có thể gạt hái được những thành quả nhất định. Vì thế, trong năm cần hoàn thiện hệ thống quản lý, tăng cường cơ sở hạ tầng, nâng cao kỹ năng chuyên môn, xem trọng kỷ cương tuân thủ trách nhiệm để nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu chi phí ẩn, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, chăm sóc tốt đội ngũ lao động, không chỉ về mặt vật chất mà cả tinh thần cũng như kỹ năng làm việc.



Định hướng đối ngoại

- Tiếp tục củng cố vị thế đối với Khách hàng truyền thống ở các thị trường trọng điểm thông qua việc cải cách hệ thống quản lý, phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, đảm bảo việc làm ổn định và giảm thiểu thời gian làm thêm theo luật định bên cạnh việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người lao động để đạt yêu cầu cao nhất của khách hàng trong tình hình mới.
- Tăng cường xúc tiến, tìm cơ hội phát triển Khách hàng, thị trường mới từ các hiệp định thương mại bên cạnh việc tiếp tục phát triển phương thức kinh doanh FOB là gia tăng phương thức ODM hoặc FOB nâng cao (tự phát triển nguyên phụ liệu), theo dõi chặt chẽ diễn biến xu hướng tiêu dùng cũng như phương thức kinh doanh mới phát triển, như online, cửa hàng offline không người bán hoặc thu ngân của Amazone để đón bắt xu hướng, chuẩn bị phương án ứng xử sản xuất.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	KH 2017	TH 2017	TH so với KH	2017 so với 2016
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.502.065	1.611.379	1.700.000	1.605.048	94,41	99,61%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	82.158	75.696	68.000	82.405	121,18	108,86%
3	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/DTT	%	5,47%	4,70%	4,00%	5,13%	128,35	109,29%
4	Cổ tức/ VDL	%	30%	30%	20% - 30%	30 %	ĐẠT!	100,00%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên VDL
Lê Quang Hùng	Chủ tịch	443.620	2,85%
Nguyễn Ân	Thành viên HĐQT	384.530	2,47%
Lâm Từ Thanh	Thành viên HĐQT	1.691.530	10,87%
Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	179.290	1,15%
Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	16.070	0,10%
Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	476	0,00%
Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT	3.940	0,03%

Công ty không có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với vai trò quản trị Công ty, Hội đồng quản trị xây dựng chiến lược phát triển dài hạn cho Công ty, bên cạnh đó xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, để đạt được kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong năm, hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để nắm bắt tình hình doanh nghiệp, đảm bảo phát triển đúng định hướng mà Đại hội cổ đông đề ra, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Lê Quang Hùng	Chủ tịch	07/01/2004	06/06	100%	
2	Nguyễn Ân	Thành viên HĐQT	07/01/2004	06/06	100%	
3	Lâm Từ Thanh	Thành viên HĐQT	15/04/2009	06/06	100%	
4	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	04/08/2010	06/06	100%	
5	Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT	12/04/2014	06/06	100%	
6	Lâm Quang Thái	Thành viên HĐQT	12/04/2014	05/06	83,33%	Công tác
7	Phan Thị Phượng	Thành viên HĐQT	12/04/2014	05/06	83,33%	Đi công tác nước ngoài

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2017

Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp. Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nq/QĐ	Ngày	Nội dung
1	06/NQ-HĐQT	16/03/2017	Nghị quyết của HĐQT: Quyết định chi trả cổ tức 15% bằng tiền đợt 2 năm 2016 (theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ mới 155,55 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu; ngày đăng ký cuối cùng 31/3/2017 và ngày chi trả cổ tức 20/04/2017. Quyết định họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 vào ngày 22/4/2017; ngày đăng ký cuối cùng tham dự họp 31/3/2017.
2	09/NQ-HĐQT/2017	07/04/2017	Nghị quyết của HĐQT: Thông qua Nội dung, chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016; Báo cáo của HĐQT năm 2016 và định hướng, kế hoạch năm 2017; Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2016; Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2016 ; Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu năm 2016 và công bố báo cáo sử dụng vốn đã được kiểm toán Báo cáo phân bổ lợi nhuận năm 2016; Chi tiêu sản xuất kinh doanh năm; chính sách, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và mức chia cổ tức năm 2017; Chủ trương sắp xếp lại mặt bằng Công ty theo yêu cầu mới; Chủ trương hợp tác với Công ty TNHH Dệt Tường Long thành lập công ty mới theo mô hình chuỗi sản xuất xuất kinh doanh khép kín; Đề xuất lựa chọn 01 (một) trong 04 (bốn) công ty kiểm toán cho năm tài chính 2017.
3	17/NQ-HĐQT	04/08/2017	Nghị quyết của HĐQT: Quyết định tạm ứng cổ tức 15% bằng tiền đợt 1 năm 2017 (theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 155,55 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu; ngày đăng ký cuối cùng 22/8/2017 và ngày chi trả cổ tức 11/09/2017.
4	18/NQ-HĐQT	04/08/2018	Nghị quyết của HĐQT - Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 159 và khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, cụ thể: Công ty thực hiện ký kết hợp đồng, giao dịch với 09 doanh nghiệp. Đối tượng của hợp đồng, giao dịch: gia công và/hoặc mua bán sản phẩm hàng may mặc, mua bán máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu, vật tư ngành may; cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị; tư vấn quản lý kinh doanh. Giá trị của từng hợp đồng, giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Thời hạn có hiệu lực thực hiện các hợp đồng, giao dịch: được phép gia hạn và/hoặc ký kết mới các hợp đồng, giao dịch kể từ ngày Nghị quyết này được ban hành cho đến khi có văn bản mới thay thế.

CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đến nay, Công ty đã thành lập 04 tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị. Thành phần của từng tiểu ban như sau:
 Tiểu ban Đầu tư – Tài chính: Ông Lê Quang Hùng
 Tiểu ban Chiến lược – Phát triển: Ông Lâm Quang Thái
 Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
 Tiểu ban Kiểm toán nội bộ: Bà Phan Thị Phượng



BAN KIỂM SOÁT



Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên VDL
Lê Thị Chín	Trưởng BKS	3.940	0,03%
Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	4.050	0,03%
Lâm Quan Kiều Phương	Thành viên	7.880	0,05%

Các cuộc họp của Thành viên Ban Kiểm Soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Thị Chín	Trưởng BKS	15/04/2009	07/07	100%
2	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	15/04/2009	07/07	100%
3	Lâm Quan Kiều Phương	Thành viên	15/04/2009	07/07	100%

VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Nhìn chung, trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty.
- Ban Kiểm soát có tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT mở rộng và tham gia góp ý kiến kịp thời, giám sát các văn bản, nghị quyết của HĐQT.
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán phù hợp để kiểm toán cho năm tài chính 2017
- Lắng nghe các ý kiến đóng góp từ phía cổ đông, nhằm xây dựng chính sách phát triển phù hợp cho công ty

VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Hoạt động của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành được phối hợp chặt chẽ, cởi mở và đoàn kết trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.
- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát tiếp cận các hồ sơ, tài liệu cũng như công nợ của Công ty khi có yêu cầu.
- Xem công nợ và các hợp đồng ký kết với các khách hàng của Công ty có ký phụ lục gia hạn thời hạn thanh toán; xem xét phân tích các báo cáo kết quả kinh doanh quý, 6 tháng đầu năm 2017.



MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2018

- Chú trọng công tác điều hành và quản lý hiệu quả nguồn lực hiện có, phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực hoạt động, quản lý tốt hàng tồn kho, tăng cường công tác kiểm soát chi phí sử dụng vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường hiệu quả bán hàng và quản lý tốt chi phí, nhất là chi phí đầu vào để lấy lại sự tăng trưởng trong doanh thu và lợi nhuận.
- Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp để nâng cao khả năng thanh toán cho công ty, quản lý tốt lượng tiền mặt và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho công ty.
- Tăng cường công tác ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất, tổ chức các cuộc thi sáng kiến trong công ty để tìm kiếm những ý tưởng về việc nâng cao hiệu quả, năng lực sản xuất, tìm kiếm các ý tưởng sản phẩm mới, góp phần làm phong phú thêm số sản phẩm của công ty.
- Công tác giám sát môi trường phải chặt chẽ và thường xuyên, liên tục.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Lương, các khoản phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và bổ sung của năm 2016
1	LÊ QUANG HÙNG	CT. HĐQT chuyên trách	1.960.081.216
2	NGUYỄN ÂN	Phó CT. HĐQT - TGĐ	2.622.085.378
3	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	TV HĐQT - Phó TGĐ	1.536.197.811
4	NGUYỄN MINH HẰNG	TV HĐQT - GD Tài chính	1.537.983.304
5	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Phó TGĐ	1.022.787.774
6	LÂM TỬ THANH	Thành viên HĐQT	250.198.000
7	LÂM QUANG THÁI	Thành viên HĐQT	250.198.000
8	PHAN THỊ PHƯỢNG	Thành viên HĐQT	250.198.000
9	LÂM QUAN KIỀU PHƯƠNG	Thành viên BKS	65.842.000
10	LÊ THỊ CHÍN	Trưởng Ban KS	131.688.541
11	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	Thành viên BKS	447.067.980
CỘNG			10.074.328.004

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG, GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Mức lương tb (Triệu đồng/người)	Số giờ đào tạo tb (Giờ/người/năm)
1	Theo giới tính:			24h/ 1 năm
	- Nam	1.097	10.256.570	
	- Nữ	3.147	9.023.727	
2	Theo hợp đồng lao động:			24h/ 1 năm
	- Toàn thời gian	4.244	9.314.910	
	- Bán thời gian			
3	Theo trình độ:			24h/ 1 năm
	- Đại học	172	19.913.860	
	- Cao đẳng	200	11.879.414	
	- Phổ thông	3.782	8.773.188	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ phiếu của công ty niêm yết

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lâm Quang Thái	Cổ đông lớn - TV.HĐQT	2.478.314	15,93	476	0,00%	Giảm do giao dịch bán cổ phiếu
2	Nguyễn Thị Thu Hương	TV.HĐQT	29.610	0,19%	179.290	1,15%	Tăng do giao dịch mua cổ phiếu

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT, thành viên Ban KS, Ban điều hành Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về công tác quản trị, trong đó có 1 thành viên HĐQT và 1 thành viên Ban Kiểm Soát đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty và được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học. Các thành viên còn lại sẽ tiếp tục tham gia khi các cơ sở đào tạo được ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 51

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Năm tài chính kết thúc ngày vào 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (dưới đây gọi tắt là "Tập đoàn") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn ("Công ty Mẹ" là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0300742387, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Tập đoàn tại ngày 31/12/2017 là 155.556.200.000 đồng, tương đương 15.506.360 cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kinh doanh nhà, cho thuê xưởng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải và các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 4.058 người (31/12/2016: 4.270 người).

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Công ty Mẹ trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch	31/12/2003
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch	31/12/2003
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	15/04/2009

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Năm tài chính kết thúc ngày vào 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng quản trị:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	04/08/2010
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	12/04/2014
Ông Lâm Quang Thái	Thành viên	12/04/2014
Bà Phan Thị Phương	Thành viên	12/04/2014

Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Chín	Trưởng ban	15/04/2009
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	15/04/2009
Bà Lâm Quang Kiều Phương	Thành viên	12/04/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Mẹ đã điều hành hoạt động của Công ty Mẹ trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	31/12/2003
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	31/12/2003
Bà Lê Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	12/08/2016
Bà Nguyễn Minh Hằng	Giám đốc tài chính	17/06/2014

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Mẹ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Ân	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty Mẹ được đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty Mẹ có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh.
2	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh.
3	Xí Nghiệp May An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày vào 31 tháng 12 năm 2017

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2017, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn đã góp vốn để thành lập Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702566779 ngày 26 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, với tỷ lệ sở hữu là 51%.

Vào ngày 20 tháng 10 năm 2017, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn đã chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp May Tân Phú, tại địa chỉ 332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày vào 31 tháng 12 năm 2017

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Tập đoàn, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Ông LÊ QUANG HÙNG
Chủ tịch

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



TỔ BƯU TOÀN
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1201-2018-242-1

NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3230-2015-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		655.451.445.645	628.853.301.952
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	96.874.718.179	104.277.219.892
Tiền	111		96.874.718.179	104.277.219.892
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		242.436.287.032	266.064.834.495
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	227.709.840.659	245.023.077.023
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.680.276.669	15.368.294.418
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.046.169.704	5.673.463.054
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	266.579.097.044	227.458.893.180
Hàng tồn kho	141		266.579.097.044	227.458.893.180
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		49.561.343.390	31.052.354.385
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	3.005.047.980	5.658.989.464
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.14	46.556.295.410	25.393.364.921
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		252.832.565.111	254.614.610.125
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.789.330.315	26.424.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	8.495.818.565	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	293.511.750	26.424.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		188.642.195.692	195.095.790.559
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	185.034.260.550	190.137.068.753
- Nguyên giá	222		355.677.861.683	340.445.430.425
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(170.643.601.133)	(150.308.361.672)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	3.607.935.142	4.958.721.806
- Nguyên giá	228		7.068.909.300	6.698.538.955
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.460.974.158)	(1.739.817.149)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.870.819.364	11.863.383.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	11.870.819.364	11.863.383.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.641.555.000	18.243.502.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	4.341.000.000	4.341.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	17.314.330.000	17.314.330.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	5.10	(3.013.775.000)	(3.411.828.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		24.888.664.740	29.385.510.566
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	24.888.664.740	29.385.510.566
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.19	-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		908.284.010.756	883.467.912.077

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		613.553.627.917	604.955.187.853
Nợ ngắn hạn	310		571.955.716.344	553.573.538.033
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	121.844.190.732	91.752.020.564
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	2.222.401.090	7.513.986.558
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.14	13.041.028.201	3.989.119.916
Phải trả người lao động	314	5.15	76.150.285.188	100.975.214.696
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	11.102.143.874	6.343.205.919
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	14.327.721.661	21.462.201.507
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	316.300.095.183	298.742.756.337
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	16.967.850.415	22.795.032.536
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		41.597.911.573	51.381.649.820
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	35.589.500.000	45.055.135.228
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	6.008.411.573	6.326.514.592
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		294.730.382.839	278.512.724.224
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	294.730.382.839	278.512.724.224
Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.556.200.000	155.556.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.556.200.000	155.556.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.314.942.370	28.314.942.370
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(863.138.686)	(863.138.686)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(471.967.012)	(537.935.735)
Quý đầu tư phát triển	418		67.859.802.989	67.859.802.989
Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.553.911.012	28.182.853.286
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.006.901.523	2.809.740.854
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.547.009.489	25.373.112.432
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.22	780.632.166	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		908.284.010.756	883.467.912.077


TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU TRÂM

NGUYỄN MINH HẰNG

NGUYỄN ÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.610.475.294.606	1.618.811.584.240
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.427.756.705	7.432.874.608
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.605.047.537.901	1.611.378.709.632
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.344.065.654.789	1.336.254.164.067
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		260.981.883.112	275.124.545.565
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.630.495.973	9.721.987.402
Chi phí tài chính	22	6.4	12.262.783.510	18.607.441.721
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.100.862.178	9.270.690.113
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	50.535.799.500	46.979.794.836
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	134.235.593.489	148.299.438.422
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		69.578.202.586	70.959.857.988
Thu nhập khác	31	6.6	14.826.191.992	4.767.330.226
Chi phí khác	32	6.7	1.998.968.927	31.452.785
Lợi nhuận khác	40		12.827.223.065	4.735.877.441
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.405.425.651	75.695.735.429
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	17.943.527.015	11.261.203.031
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(318.103.019)	3.448.503.751
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.780.001.655	60.986.028.647
Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		65.699.369.489	60.986.028.647
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	5.22	(919.367.834)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	4.237	5.146
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	4.237	5.146

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU TRÂM

NGUYỄN MINH HẰNG

NGUYỄN ÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số: B03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	82.405.425.651	75.695.735.429
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.975.307.113	22.531.725.950
- Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(398.053.000)	266.255.800
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	886.690.857	3.457.767.548
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.015.339.982)	(462.110.378)
- Chi phí lãi vay	06	9.100.862.178	9.270.690.113
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	107.954.892.817	110.760.064.462
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(16.834.977.879)	4.752.936.095
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(39.120.203.864)	6.395.434.203
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.236.528.843	31.714.316.845
- Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	7.150.787.310	(1.982.384.383)
- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.866.258.073)	(8.826.950.016)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.686.806.200)	(14.389.106.205)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(9.636.413.884)	(25.606.038.522)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20	40.197.549.070	102.818.272.479
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(22.903.447.169)	(51.372.220.465)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	14.040.000.000	1.047.259.013
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	209.360.591	259.315.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.654.086.578)	(50.065.645.569)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	57.829.520.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.120.299.850.949	1.100.943.669.702
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.112.737.674.534)	(1.124.139.115.805)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.513.353.000)	(34.923.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.951.176.585)	(289.136.103)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp) **Mẫu số: B03-DN/HN**
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 Đơn vị tính: VND

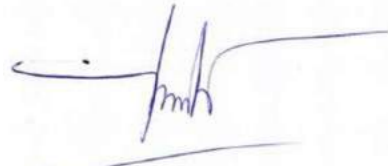
CHI TIẾT	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.407.714.093)	52.463.490.807
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	104.277.219.892	51.781.890.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.212.380	31.838.436
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	96.874.718.179	104.277.219.892

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






TRẦN THỊ THU TRÂM

NGUYỄN MINH HẰNG

NGUYỄN ÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 05 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 030074238 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Tập Đoàn đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Số lượng cổ phiếu: 15.555.620 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty Mẹ là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kinh doanh nhà, cho thuê xưởng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải và các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là gia công, sản xuất các sản phẩm may mặc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Tập đoàn:

Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ, ba công ty con và một công ty liên kết, cụ thể như sau:

Công ty Mẹ

Trụ sở hoạt động của Công ty Mẹ được đặt tại 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Mẹ có ba đơn vị trực thuộc với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp May Bình Tiên	55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí Nghiệp May An Phú	14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
3	Xí Nghiệp May An Nhơn	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Công ty con

Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ"), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500816433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 08 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 06 tháng 10 năm 2015. Trụ sở đăng ký của Tân Mỹ đặt tại Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoạt động chính của Tân Mỹ là may mặc.

Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long ("Sài Gòn – Tường Long"), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 51% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702566779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 05 năm 2017. Trụ sở đăng ký của Công ty Sài Gòn – Tường Long đặt tại số 5 Đại lộ Thống Nhất, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Hoạt động chính của Sài Gòn – Tường Long là may mặc.

Công ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh ("Sài Gòn Xanh") (Tên cũ là Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh), trong đó công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, được thành lập tại Việt Nam, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311908926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 08 năm 2012, và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 29 tháng 12 năm 2016. Trụ sở đăng ký của Sài Gòn Xanh đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Sài Gòn Xanh là may mặc.

Công ty TNHH Một thành viên May Sài Gòn Xanh có một chi nhánh trực thuộc và một công ty con hoạt động tại nước ngoài chi tiết như sau:

- Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp may Hà Lam tọa lạc tại Lô B/B2 Cụm Công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

- Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ	Số 11100 đường Valley Boulevard, Phòng 222, thành phố E1 Monte, tiểu bang California, mã số bưu điện CA91731, Hoa Kỳ.	Hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 564/BKHĐT-ĐTRNN ngày 02 tháng 11 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, thay đổi lần thứ hai số 201500059 ngày 13 tháng 11 năm 2017, Công ty đầu tư 100% vốn để thành lập Công ty kinh doanh hàng hóa dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon L.L.C) với vốn đầu tư 600.000 USD tương đương 13.416.000.000 VND.	100%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phú Mỹ ("Phú Mỹ") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty Mẹ đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 4.058 người (31/12/2016: 4.270 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty Mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, thông tư số 202/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty Mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi có thông tin tài chính đáng tin cậy. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

4.4 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của Công ty con ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Tập đoàn được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toàn bộ cho Tập đoàn và được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi công ty con ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng,
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng,
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng,
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng,
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.5 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.6 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và cả chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 45/2013/TT-BTC, chi tiết như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	06 – 10
Dụng cụ quản lý	03 – 08

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 45/2013/TT-BTC, chi tiết như sau:

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.10 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Giấy phép và giấy nhượng quyền

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị giấy phép triển khai hệ thống an ninh mạng và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 04 – 08 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.12 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.13 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.15 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.16 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể.

4.17 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% (17,5% từ 01/06/2017) và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty Mẹ như sau.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Tập đoàn. Quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được sử dụng cho việc khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Quỹ này được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.19 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.20 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.20 Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.21 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.22 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Các dịch vụ, hàng hóa xuất khẩu chịu thuế suất thuế GTGT là 0%. Các dịch vụ, hàng hóa bán nội địa chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.22 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các báo cáo thuế của công ty Mẹ và các công ty con sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.24 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.25 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	307.642.952	1.645.970.711
Tiền gửi ngân hàng	96.567.075.227	102.631.249.181
- VND	1.995.429.163	1.874.797.581
- USD	94.487.132.345	100.681.561.289
- EUR	84.513.719	74.890.311
	96.874.718.179	104.277.219.892

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
USD	4.168.573,89 #	94.487.132.345
EUR	3.129,79 #	84.513.719
		94.571.646.064

5.2 Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – bên thứ ba		
- Công ty Columbia Sportswear Company	98.894.734.622	51.461.095.447
- Công ty Promiles S.N.C	69.559.821.756	78.705.309.021
- Công ty New Wave Group SA	17.868.155.828	21.366.905.272
Các khoản phải thu khách hàng khác	22.934.197.036	6.811.671.245
Phải thu ngắn hạn của khách hàng - bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Blue Exchange	12.526.707.110	47.070.467.766
- Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	3.892.524.958	24.078.110.358
- Công ty TNHH May mặc Cây dứa	2.033.699.349	15.529.517.914
	227.709.840.659	245.023.077.023
b) Phải thu dài hạn của khách hàng		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu dài hạn của khách hàng - bên liên quan		
- Công ty TNHH May mặc Cây dứa (*)	8.495.818.565	-
	8.495.818.565	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2 Phải thu khách hàng (tiếp theo)

(*) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có ký phụ lục gia hạn hợp đồng với các Công ty này.

Tất cả khoản phải thu tại mọi thời điểm không thấp hơn 1.000.000 USD là giá trị tài sản thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) để đảm bảo cho một khoản tiền ích với tổng giá trị tương đương 1.000.000 USD theo quy định tại Hợp đồng thế chấp số VNM 080613/MR ngày 31/10/2008 (xem thuyết minh 5.18).

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba		
Công ty Changzhou Foreign Trade Corp.	2.753.788.888	-
Công ty Cổ phần Bình Phú	-	5.509.957.380
Công ty TNHH Dệt Tường Long	380.407.980	1.002.674.364
Các nhà cung cấp khác	6.508.453.364	6.818.036.237
Trả trước cho người bán - Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	2.037.626.437	2.037.626.437
	11.680.276.669	15.368.294.418

5.4 Các khoản phải thu khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	1.610.126.758	-	2.454.003.917	-
Phải thu khác	1.238.262.946	-	600.055.137	-
Tạm ứng nhân viên	197.780.000	-	2.619.404.000	-
	3.046.169.704	-	5.673.463.054	-

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ dài hạn	293.511.750	-	26.424.000	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	158.275.306.287	-	118.773.348.037	-
Công cụ, dụng cụ	1.659.509.348	-	1.353.921.304	-
Giá trị sản phẩm dở dang	3.877.793.885	-	1.695.182.911	-
Thành phẩm	74.997.395.216	-	68.370.812.466	-
Hàng hóa	27.769.092.308	-	37.265.628.462	-
Cộng hàng tồn kho	266.579.097.044	-	227.458.893.180	-

Trong đó, Tổng giá trị của hàng hóa trong kho 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh tại mọi thời điểm không được thấp hơn 1.000.000 USD để đảm bảo cho khoản thế chấp trị giá 1.000.000 USD tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) đảm bảo cho khoản vay quy định tại Bản sửa đổi lần thứ 3 của hợp đồng thế chấp số VNM 100291/MS ngày 20/7/2015 (xem thuyết minh 5.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Tài sản dở dang dài hạn

Công trình	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	10.020.000.000	10.020.000.000	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án Xi nghiệp May Tân Mỹ tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch	1.843.383.000	1.843.383.000	1.843.383.000	1.843.383.000
Chi phí hệ thống xử lý nước thải tại Văn phòng Công ty	7.436.364	7.436.364	-	-
	11.870.819.364	11.870.819.364	11.863.383.000	11.863.383.000

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2017	185.161.138.432	131.039.104.586	11.305.592.443	12.939.594.964	340.445.430.425
Mua mới	2.658.154.294	17.901.580.500	1.322.245.455	574.408.755	22.456.389.004
Thanh lý	(5.689.868.389)	(962.830.845)	(115.465.298)	(454.603.624)	(7.222.768.156)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.189.590)	(1.189.590)
Tại 31/12/2017	182.129.424.337	147.977.854.241	12.512.372.600	13.058.210.505	355.677.861.683
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2017	48.203.914.598	85.428.001.378	7.824.420.153	8.852.025.543	150.308.361.672
Khấu hao	7.649.702.782	15.889.173.344	1.180.355.324	1.524.351.471	26.243.582.921
Thanh lý	(4.375.215.614)	(962.830.845)	(115.465.298)	(454.603.624)	(5.908.115.381)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(228.079)	(228.079)
Tại 31/12/2017	51.478.401.766	100.354.343.877	8.889.310.179	9.921.545.311	170.643.601.133
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	136.957.223.834	45.611.103.208	3.481.172.290	4.087.569.421	190.137.068.753
Tại 31/12/2017	130.651.022.571	47.623.510.364	3.623.062.421	3.136.665.194	185.034.260.550

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2017 là 67.839.305.335 VND (01/01/2017: 69.305.941.703 VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 với giá trị 80.991.789.747 VND (01/01/2017: 79.471.056.410 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	6.547.520.773	151.018.182	6.698.538.955
Mua mới	380.370.345	-	380.370.345
Giảm trong năm	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	6.917.891.118	151.018.182	7.068.909.300
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	1.613.412.616	126.404.533	1.739.817.149
Khấu hao trong năm	1.725.360.556	6.363.636	1.731.724.192
Giảm trong năm	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	(567.183)	-	-
Tại ngày 31/12/2017	3.328.205.989	132.768.169	3.460.974.158
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	4.934.108.157	24.613.649	4.958.721.806
Tại ngày 31/12/2017	3.589.685.129	18.250.013	3.607.935.142

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị 119.200.000 VND (01/01/2017: 22.302.783 VND).

5.9 Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty cổ phần Phú Mỹ	4.341.000.000	4.341.000.000

Công ty Cổ Phần Phú Mỹ ("Phú Mỹ") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty Mẹ đầu tư vào Phú Mỹ là 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Phú Mỹ là kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Phú Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng quản trị của công ty liên kết, do đó phần lãi/(lỗ) của Tập đoàn trong công ty liên kết vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty CP đa giấy Sagoda	1.919.150.000	-	1.919.150.000	(*)
Ngân hàng TMCP Việt A	3.998.050.000	(3.013.775.000)	3.998.050.000	(3.013.775.000)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.269.730.000	-	1.269.730.000	(388.053.000)
Công ty CP ĐT PT Gia Định	10.127.400.000	-	10.127.400.000	(*)
	1.175.072	17.314.330.000	17.314.330.000	(3.411.828.000)

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN/HH

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

5.11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí thiết kế	1.098.278.812	2.837.318.400
Chi phí mẫu sản phẩm	612.350.958	1.601.253.914
Chi phí in quảng cáo	139.158.567	406.534.754
Chi phí khác	1.155.259.643	813.882.396
	3.005.047.980	5.658.989.464

5.11.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ	2.070.240.237	3.304.029.738
Tiền thuê đất	15.162.341.714	15.498.340.112
Máy móc thiết bị không đủ điều kiện TSCĐ	5.075.389.589	6.509.967.046
Phần mềm máy vi tính	1.508.946.672	2.805.550.003
Chi phí khác	1.071.746.528	1.267.623.667
	24.888.664.740	29.385.510.566

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn - Bên thứ ba				
Công ty Desipro Pte. Ltd.	35.166.571.663	35.166.571.663	21.449.386.681	21.449.386.681
Công ty TNHH YKK Việt Nam	19.813.928.197	19.813.928.197	5.994.901.494	5.994.901.494
Công ty N.I.Teijin Shoji Công ty TNHH Công nghiệp Dệt Huge Bamboo	7.834.332.542	7.834.332.542	23.139.460.266	23.139.460.266
Công ty TNHH Công nghiệp Dệt Huge Bamboo	7.765.661.785	7.765.661.785	-	-
Công ty TNHH Promax Textile (Việt Nam)	5.097.333.754	5.097.333.754	-	-
Các nhà cung cấp khác	40.751.388.294	40.751.388.294	35.659.229.796	35.659.229.796
Phải trả người bán ngắn hạn - Bên liên quan				
Công ty Cổ Phần Phú Mỹ	3.893.924.847	3.893.924.847	3.878.088.972	3.878.088.972
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	1.246.584.250	1.246.584.250	1.246.584.250	1.246.584.250
Công ty TNHH Trà Tân	79.226.400	79.226.400	79.226.400	79.226.400
Công ty TNHH Con đường xanh	-	-	109.903.705	109.903.705
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	195.239.000	195.239.000	195.239.000	195.239.000
	121.844.190.732	121.844.190.732	91.752.020.564	91.752.020.564

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Seeland International A/A	-	5.600.059.474
Hampshire group Ltd	-	1.760.924.046
Các khách hàng khác	2.222.401.090	153.003.038
	2.222.401.090	7.513.986.558

5.14 Thuế và khoản phải thu và phải trả Nhà Nước

5.14.1 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và các khoản khác phải thu Nhà nước

	01/01/2017 Phải thu VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2017 Phải thu VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Thuế GTGT được khấu trừ	25.393.364.921	54.883.871.368	33.720.940.879	46.556.295.410
Thuế tài nguyên	-	28.110.600	28.110.600	-
Tiền thuê đất	-	34.443.605.302	34.443.605.302	-
	25.393.364.921	89.355.587.270	68.192.656.781	46.556.295.410

5.14.2 Thuế và khoản phải trả Nhà Nước

	01/01/2017 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2017 Phải nộp VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp/ Kết chuyển VND	
Thuế giá trị gia tăng	726.559.323	18.766.252.381	17.915.023.938	1.577.787.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.296.833.559	17.943.527.015	10.686.806.200	8.553.554.374
Thuế thu nhập cá nhân	1.871.225.615	6.479.072.171	5.514.787.353	2.835.510.433
Thuế nhà thầu	94.501.419	1.384.420.220	1.404.746.011	74.175.628
Thuế khác	-	17.000.000	17.000.000	-
	3.989.119.916	44.573.271.787	35.521.363.502	13.041.028.201

5.15 Phải trả người lao động

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền lương và các khoản thưởng phải trả cho người lao động	76.150.285.188	100.975.214.696

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền lương phép năm	9.296.585.928	4.589.528.309
Chi phí phải trả hàng FOB	507.060.880	323.823.550
Trích chi phí lãi vay	678.344.202	443.740.097
Phải trả khác	620.152.864	986.113.963
	11.102.143.874	6.343.205.919

5.17 Phải trả, phải nộp khác	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, các loại bảo hiểm Công ty TNHH TM TH An Lạc	1.514.347.055	2.251.135.707
Công ty CP Đầu tư TM & DV Hòa Lợi	-	9.800.000.000
Phải trả khác	9.000.000.000	9.000.000.000
	3.813.374.606	411.065.800
	14.327.721.661	21.462.201.507

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	1.268.475.208	1.268.475.208	149.917.370.948	172.621.031.957
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - C.N Hồ Chí Minh	259.990.546.460	259.990.546.460	860.001.930.461	854.873.032.475
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - C.N Hồ Chí Minh	-	-	37.994.141.635	50.730.004.047
Ngân hàng First Commercial - C.N TP. Hồ Chí Minh	50.827.073.515	50.827.073.515	75.074.077.381	27.406.113.100
Cộng: vay dài hạn đến hạn trả	4.214.000.000	4.214.000.000	4.214.000.000	4.214.000.000
	316.300.095.183	316.300.095.183	1.127.201.820.425	1.109.644.181.579

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số khoản phải thu cũng như hàng hóa trong kho trị giá 2.000.000 USD (xem thuyết minh 5.2 và 5.5).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không áp dụng biện pháp đảm bảo.

5.18.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - C.N Hồ Chí Minh	43.963.500.000	43.963.500.000	2.001.857.727	7.307.492.955
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(8.374.000.000)	(8.374.000.000)	4.214.000.000	8.374.000.000
	35.589.500.000	35.589.500.000	6.215.857.727	15.681.492.955

5.18.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam bao gồm 2 khoản vay như sau:

Tại Công ty mẹ: Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 007/KHĐN2/16CD ngày 02 tháng 02 năm 2016 nhằm mục đích Mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Blue Exchange tại Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh (nay là Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh). Khoản vay này được đảm bảo bằng cầm cố bộ sung quyền góp vốn của Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn trong Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh theo hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 0012/NHNT-TC ngày 02 tháng 02 năm 2016.

Tại Công ty Sài Gòn Xanh: Khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 42.521.000.00 đồng với thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để thực hiện dự án nhà máy may công nghiệp Sài Gòn Xanh - giai đoạn 2 tại địa chỉ số 16 B/B2 Cụm Công Nghiệp Hà Lam - Chợ Đước, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất còn lại tại địa chỉ số 16 B/B2 Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Đước, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;
- Tài sản gắn liền trên đất là nhà xưởng cũ còn lại;
- Tài sản gắn liền trên đất là nhà xưởng và thiết bị mới hình thành trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
 252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN/HH

5.19 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.683.681	2.683.681
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>(2.683.681)</u>	<u>(2.683.681)</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	6.011.095.254	6.329.198.273
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>(2.683.681)</u>	<u>(2.683.681)</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.008.411.573	6.326.514.592

5.20 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2017 VND	Trích lập quỹ VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.795.032.536	-	(5.827.182.121)	16.967.850.415

5.21 Vốn chủ sở hữu

5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quý đầu tư Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại 01/01/2016	116.903.300.000	9.138.322.370	(863.138.686)	37.827.601	56.863.245.987	27.490.176.785	254.721.913.780						
Tăng vốn trong năm	38.652.900.000	19.176.620.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	57.829.520.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.996.557.002	60.986.028.647	60.986.028.647	-	-	-	-	-	60.986.028.647
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.166.559.696)
Lỗ mua lại phân vốn góp trong công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(42.140.000.000)
Chi cô tức đợt 2 năm 2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.461.605.000)
Chi cô tức đợt 1 năm 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.461.605.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.461.605.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS và Cán bộ chủ chốt năm 2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(717.717.171)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS và Cán bộ chủ chốt năm 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.538.840.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(962.648.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(575.763.336)	-	-	-	-	-	-	-	-	(575.763.336)
Số dư tại 31/12/2016	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(537.935.735)	67.859.802.989	28.182.853.286	278.512.724.224						
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-	-	-	1.700.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	65.699.369.489	(919.367.834)	64.780.001.655	-	-	-	64.780.001.655
Chi cô tức đợt 2 năm 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	(23.259.540.000)	-	-	-	(23.259.540.000)
Chi cô tức đợt 1 năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	-	(23.259.540.000)	-	-	-	(23.259.540.000)
Chi khen thưởng HĐQT và Cán bộ chủ chốt năm 2016	-	-	-	-	-	-	-	-	(916.411.763)	-	-	-	(916.411.763)
Chi khen thưởng HĐQT và Cán bộ công chức, thù lao hội đồng quản trị năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.890.668.000)	-	-	-	(1.890.668.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS 2017	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.002.152.000)	-	-	-	(1.002.152.000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	65.968.723	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.890.668.000)
Số dư tại 31/12/2017	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	(471.967.012)	67.859.802.989	43.533.911.012	780.632.166.294.730.382.839						

Theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2016 ngày 22/04/2017 và Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 22/04/2017 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2016, trong năm Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo quy định (xem Thuyết minh 5.21.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN/HN

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền số 1027/2017-GMC/VSD-ĐK ngày 24 tháng 08 năm 2017 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã tổng hợp cơ cấu cổ đông như sau:

Cổ đông	Số CP sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông trong nước, trong đó:			
+ Cá nhân	7.676.415	76.764.150.000	49,35%
+ Tổ chức	5.505.435	55.054.350.000	35,39%
- Cổ đông nước ngoài, trong đó			
+ Cá nhân	1.020.585	10.205.850.000	6,56%
+ Tổ chức	1.303.925	13.039.250.000	8,38%
- Cổ phiếu quỹ	49.260	492.600.000	0,32%
Cộng	15.555.620	155.556.200.000	100%

5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.555.620	15.555.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.555.260	15.555.260
Cổ phiếu phổ thông	15.555.620	15.555.620
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	49.260
Cổ phiếu phổ thông	49.260	49.260
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.506.360	15.506.360
Cổ phiếu phổ thông	15.506.360	15.506.360

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

5.21.4 Phân phối lợi nhuận

Theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2016 ngày 22/04/2017 và Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 22/04/2017 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2016. Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Được duyệt	VND Đã chi
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cán bộ chủ chốt năm 2016	3.198.179.190	3.198.179.190
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.219.720.573	1.219.720.573
Chi 15% cổ tức đợt 1 năm 2016 (đã chi ngày 17/10/2016)	17.461.605.000	17.461.605.000
Chi 15% cổ tức đợt 2 năm 2016 (đã chi ngày 20/04/2017)	23.259.540.000	23.259.540.000
45.139.044.763	45.139.044.763	

5.22 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long được xác định như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
Vốn điều lệ của công ty con (Sài Gòn – Tường Long)	20.000.000.000	-
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho công ty Mẹ	10.200.000.000	-
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	9.800.000.000	-
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	49%	-

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017 như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng tài sản	2.339.523.664	-
Tổng nợ phải trả	(815.784.549)	-
Tài sản thuần	1.523.739.115	-

Chi tiết như sau:	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn điều lệ đã góp	3.400.000.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(1.876.260.885)	-
	1.523.739.115	-

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi tiết như sau:		
Vốn điều lệ đã góp	1.700.000.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(919.367.834)	-
	780.632.166	-

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm của Sài Gòn – Tường Long	(1.876.260.885)	-
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát	(919.367.834)	-

5.23 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2017 Ngoại tệ	01/01/2017 Ngoại tệ
Đô la Mỹ (USD)	4.168.573,89	4.435.311,07
Euro (EUR)	3.129,79	3.140,45

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	1.577.024.612.016	1.578.875.609.102
Doanh thu bán hàng nội địa	32.391.807.924	39.110.223.742
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.058.874.666	825.751.396
	1.610.475.294.606	1.618.811.584.240

Các khoản giảm trừ:		
Giảm giá hàng bán	(5.427.756.705)	(7.432.874.608)
Doanh thu thuần	1.605.047.537.901	1.611.378.709.632

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	-	3.725.547.475
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	414.763.040	25.546.175.294
Công ty TNHH May mặc Cây Dừa	-	1.848.817.590
	414.763.040	31.120.540.359

6.2 Giá vốn hàng bán	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng bán	1.344.065.654.789	1.336.254.164.067

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	12.479.791	63.931.883
Cổ tức được chia	196.880.800	195.384.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.421.135.382	9.228.899.336
Doanh thu tài chính khác	-	233.772.183
	5.630.495.973	9.721.987.402

6.4 Chi phí tài chính	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	9.100.862.178	9.270.690.113
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.673.287.076	5.575.207.413
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	886.687.256	3.495.288.395
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	(398.053.000)	266.255.800
	12.262.783.510	18.607.441.721

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	100.239.971.427	108.393.778.939
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.291.447.489	5.496.703.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.579.651.761	9.477.056.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.025.019.732	14.925.877.893
Chi phí bằng tiền khác	6.099.503.080	10.006.022.106
	134.235.593.489	148.299.438.422

b) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.761.880.617	1.927.017.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.573.780.818	44.315.730.728
Chi phí khác	200.138.065	737.046.560
	50.535.799.500	46.979.794.836

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	12.987.282.634	163.294.758
Thu nhập khác	1.838.909.358	4.604.035.468
	14.826.191.992	4.767.330.226

6.7 Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí khác	1.998.968.927	31.452.785

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.405.425.651	75.695.735.429
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.973.063.312	1.097.320.039
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(196.983.750)	(13.243.780.374)
Chuyển lỗ	(155.417.901)	-
Thu nhập được miễn từ dự án đầu tư mở rộng	(7.725.252.849)	-
Thu nhập chịu thuế	78.300.834.643	63.549.275.094
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18.476.887.478	11.777.365.503
Giảm trừ thuế (50%)	(533.360.463)	(516.162.472)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.943.527.015	11.261.203.031

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Trong đó		
- Công ty Mẹ	15.979.824.312	10.745.040.560
- Công ty TNHH May Tân Mỹ	533.360.462	516.162.471
- Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh	1.430.342.241	-

Công ty Mẹ và Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án đầu tư tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ - Công ty con của Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế Hoa Kỳ.

Công ty TNHH May Tân Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm từ năm đầu tiên hoạt động và áp dụng thuế suất phổ thông cho các năm tiếp theo. Theo giấy chứng nhận đầu tư số 49121000077 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và giảm 50% trong bảy (07) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.617.895.281	3.451.187.432
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.935.998.300)	(2.683.681)
	(318.103.019)	3.448.503.751

6.10 Lãi/ lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty Mẹ	65.699.369.489	60.986.028.647
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	65.699.369.489	60.986.028.647
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.506.360	11.852.288
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.237	5.146

Tập đoàn không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của công ty Mẹ được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo này, việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được thông qua Đại hội cổ đông.

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.506.360	11.641.070
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	211.218
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.506.360	11.852.288

6.11 Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	926.307.764.123	932.034.174.809
Chi phí nhân công	518.388.842.052	500.575.029.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.988.725.518	22.531.725.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.093.003.812	289.641.136.574
Chi phí khác	13.152.235.620	25.923.787.075
	1.789.930.571.125	1.770.705.853.877

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm số tiền 2.787.245 đồng giá trị tài sản mua sắm trong năm đã ứng trước cho nhà cung cấp. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm số tiền 1.327.382.701 đồng giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán cho nhà cung cấp. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay trong năm là vay từ các ngân hàng thương mại trong nước.

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1. Công cụ tài chính

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2017			
<i>Giá trị ghi số:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.874.718.179	-	96.874.718.179
Phải thu khách hàng	227.709.840.659	8.495.818.565	236.205.659.224
Đầu tư	-	17.314.330.000	17.314.330.000
Phải thu khác	2.848.389.704	-	2.848.389.704
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng đầu tư tài chính	-	(3.013.775.000)	(3.013.775.000)
Tổng cộng	327.432.948.542	22.796.373.565	350.229.322.107
Ngày 31/12/2017			
Vay	316.300.095.183	35.589.500.000	351.889.595.183
Phải trả người bán	121.844.190.732	-	121.844.190.732
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	14.583.548.302	-	14.583.548.302
Tổng cộng	452.727.834.217	35.589.500.000	488.317.334.217
Chênh lệch thanh khoản thuần	(125.294.885.675)	(12.793.126.435)	(138.088.012.110)
Ngày 01/01/2017			
<i>Giá trị ghi số:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.277.219.892	-	104.277.219.892
Phải thu khách hàng	245.023.077.023	-	245.023.077.023
Đầu tư	-	17.314.330.000	17.314.330.000
Phải thu khác	5.073.407.917	-	5.073.407.917
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng đầu tư tài chính	-	(3.411.828.000)	(3.411.828.000)
Tổng cộng	354.373.704.832	13.902.502.000	368.276.206.832
Ngày 01/01/2017			
Vay	298.742.756.337	45.055.135.228	343.797.891.565
Phải trả người bán	91.752.020.564	-	91.752.020.564
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	20.964.743.410	-	20.964.743.410
Tổng cộng	411.459.520.311	45.055.135.228	456.514.655.539
Chênh lệch thanh khoản thuần	(57.085.815.479)	(31.152.633.228)	(88.238.448.707)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi số

	Giá trị ghi số 31/12/2017	Giá trị hợp lý 31/12/2017	Giá trị ghi số 01/01/2017	Giá trị hợp lý 01/01/2017
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	236.205.659.224	245.023.077.023	236.205.659.224	245.023.077.023
Các khoản phải thu khác	2.848.389.704	5.073.407.917	2.848.389.704	5.073.407.917
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn (*)	17.314.330.000	17.314.330.000	17.314.330.000	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.874.718.179	104.277.219.892	96.874.718.179	104.277.219.892
Tổng cộng	353.243.097.107	371.688.034.832	371.688.034.832	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	351.889.595.183	343.797.891.565	351.889.595.183	343.797.891.565
Phải trả người bán	121.844.190.732	91.752.020.564	121.844.190.732	91.752.020.564
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	14.583.548.302	20.964.743.410	14.583.548.302	20.964.743.410
Tổng cộng	488.317.334.217	456.514.655.539	488.317.334.217	456.514.655.539

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi số của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Mẫu B09-DN/HN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phát sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu trúc phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

ii. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

8.2. Báo cáo bộ phận**8.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm trong ngành may mặc và chủ yếu là xuất khẩu (hơn 90%). Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

8.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh được thành lập tại Hoa Kỳ) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

8.3. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn ký hợp đồng cam kết mua nguyên vật liệu với bên thứ ba với trị giá là 8.234.857.619 đồng.

8.4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2017, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại May Sài Gòn đã góp vốn để thành lập Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702566779 ngày 26 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, với tỷ lệ sở hữu là 51%.

Vào ngày 20 tháng 10 năm 2017, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại May Sài Gòn đã chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp May Tân Phú, tại địa chỉ 332 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2017) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8.6. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Con Đường Xanh	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Trà Tân	Việt Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Phí duy trì hạ tầng, xử lý nước thải, nước sinh hoạt	516.598.764	528.527.964
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Doanh thu bán thành phẩm Doanh thu hoa hồng đại lý Mua hàng	414.763.040	25.033.218.874
Công ty TNHH Con Đường Xanh Quảng Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng Chi phí gia công	-	3.725.547.475
Công ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng	-	133.809.244
Công ty TNHH MTV Con đường Xanh	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng Chi phí gia công	-	1.848.817.590
			-	120.292.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải thu khách hàng	12.526.707.110	47.070.467.766
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	3.892.524.958 1.246.584.250	24.078.110.358 1.246.584.250
Công Ty TNHH May Mặc Cây Dừa	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	10.529.517.914 195.239.000	15.529.517.914 195.239.000
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Phải trả người bán Trả trước người bán	3.893.924.847 2.037.626.437	3.878.088.972 2.037.626.437
Công ty TNHH Trà Tân	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải trả người bán	79.226.400	79.226.400
Công ty TNHH MTV Con đường xanh	Công ty có chủ sở hữu là thành viên HĐQT	Phải trả người bán	-	109.903.705

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương, thưởng	8.679.135.483	7.236.306.160

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.7. Thông tin khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chi tiết như sau:

Năm tài chính kết thúc 31/12/2017	Công ty CP SX TM May Sài Gòn VND	Công ty TNHH MTV May Sài Gòn Xanh VND	Công ty TNHH May Tân Mỹ VND	Công ty TNHH Sài Gòn Trường Long VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.520.030.230.643	196.893.113.719	145.086.598.157	1.679.906.910	(258.642.311.528)	1.605.047.537.901
Giá vốn hàng bán	1.343.598.997.087	142.076.792.772	111.177.938.518	2.323.531.103	(255.111.604.691)	1.344.065.654.789
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.431.233.556	54.816.320.947	33.908.659.639	(643.624.193)	(3.530.706.837)	260.981.883.112
Doanh thu hoạt động tài chính	5.530.956.034	8.160.711	90.893.840	485.388	-	5.630.495.973
Chi phí tài chính	(4.457.207.401)	1.952.793.945	87.175.397	30.068	14.679.991.501	12.262.783.510
Chi phí bán hàng	23.279.855.725	25.054.081.052	2.201.862.723	-	-	50.535.799.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.640.426.004	11.798.795.351	24.650.743.546	1.235.637.018	(3.090.008.430)	134.235.593.489
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	63.499.115.262	16.018.811.310	7.059.771.813	(1.878.805.891)	(15.120.989.908)	69.578.202.586

Mẫu B09-DN/HN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) **Mẫu B09-DN/HN**
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.8. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU TRÂM

NGUYỄN MINH HẰNG

NGUYỄN ÂN



**XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

TP>HCM, NGÀY 20 THÁNG 04 NĂM 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ÂN**



GARMEX
Saigon js



GARMEX
Saigon Js
HoSE: GMC

CÔNG TY CỔ PHẦN SX-TM MAY SÀI GÒN

252 Nguyen Van Luong, Ward 17, Go Vap District, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Website : www.garmexsaigon-gmc.com

Tel. 848 3984 4822 (6 lines) - Fax. 848 3984 4746 - Email : headoffice@garmexjs.com

